Tên học sinh: .....

Lớp: .....

Hành trang cho bé tự tin vào lớp 1

Toán phát triển tư duy cho bé

Bé Học Toán

Biên soạn theo chương trình sách Toán mới của BGD&ĐT

Làm quen với những con số

1 Khoanh và đọc số con thích

2 Tô màu

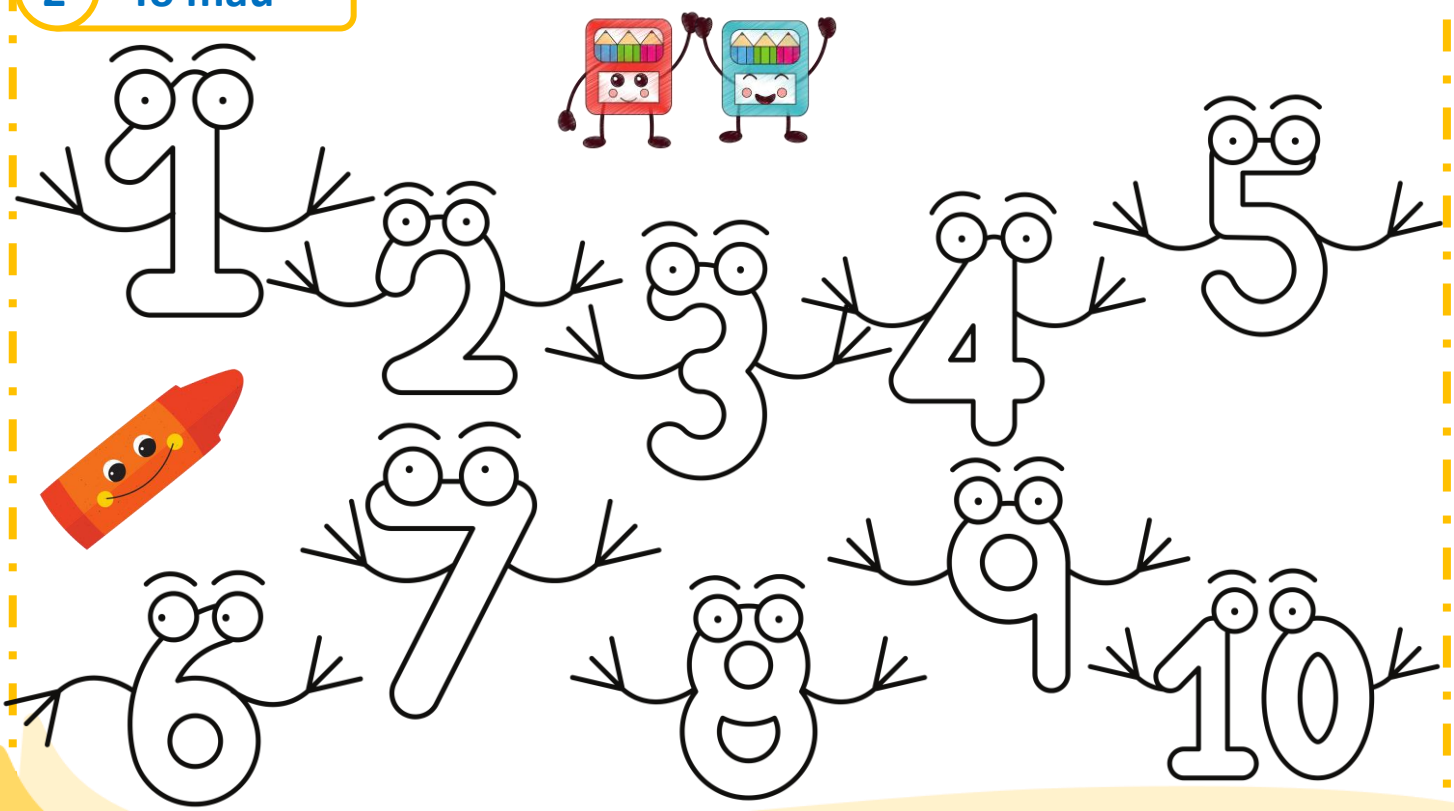

Bài 1

Các số 1, 2, 3

1

2

3

1
1
1

2
2
2

3
3
3

1 Số ?

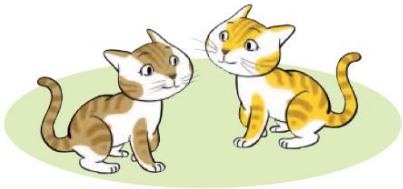

Bài 1

2 Số ?

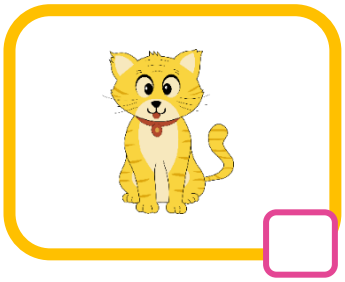

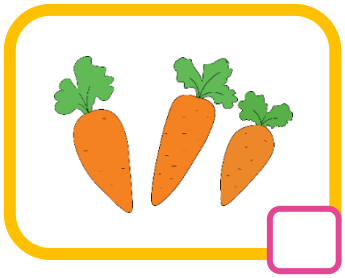

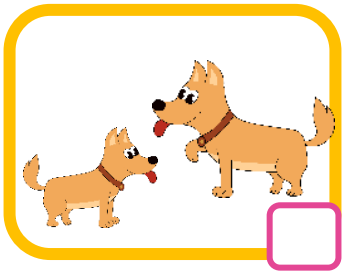

3 Số ?

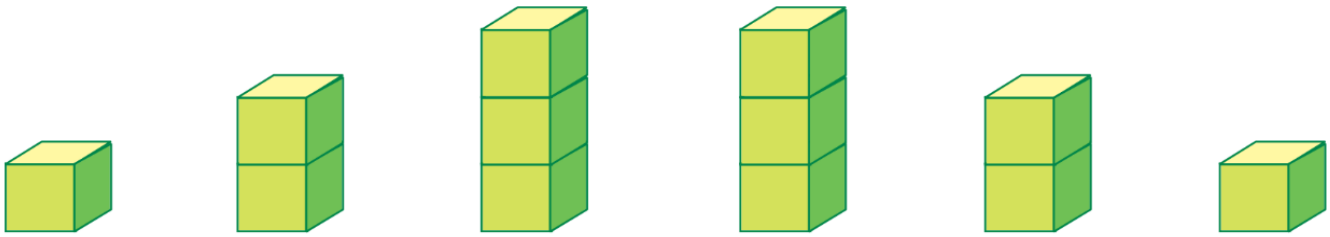

1 ☐ ☐ 3 ☐ ☐

4 Số ?

5 Tô màu vào bông hoa ghi số 2

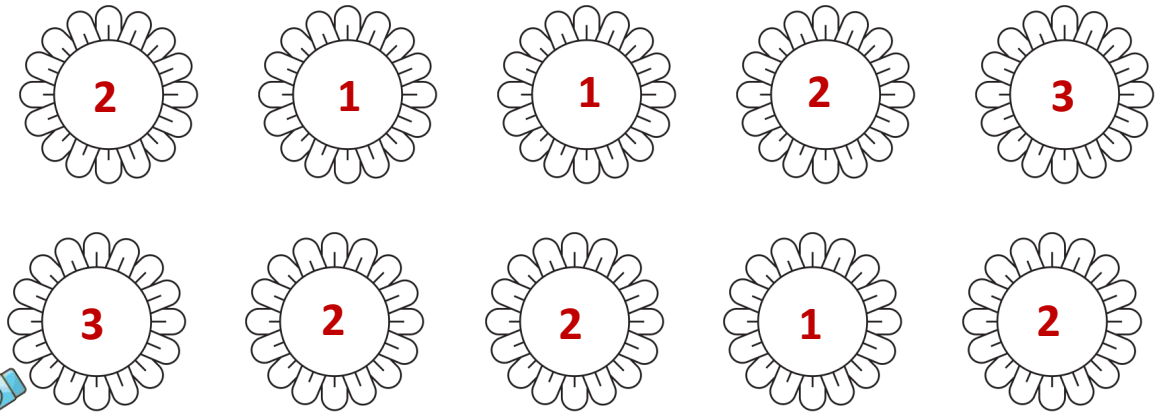

Bài 2

Các số 4, 5, 6

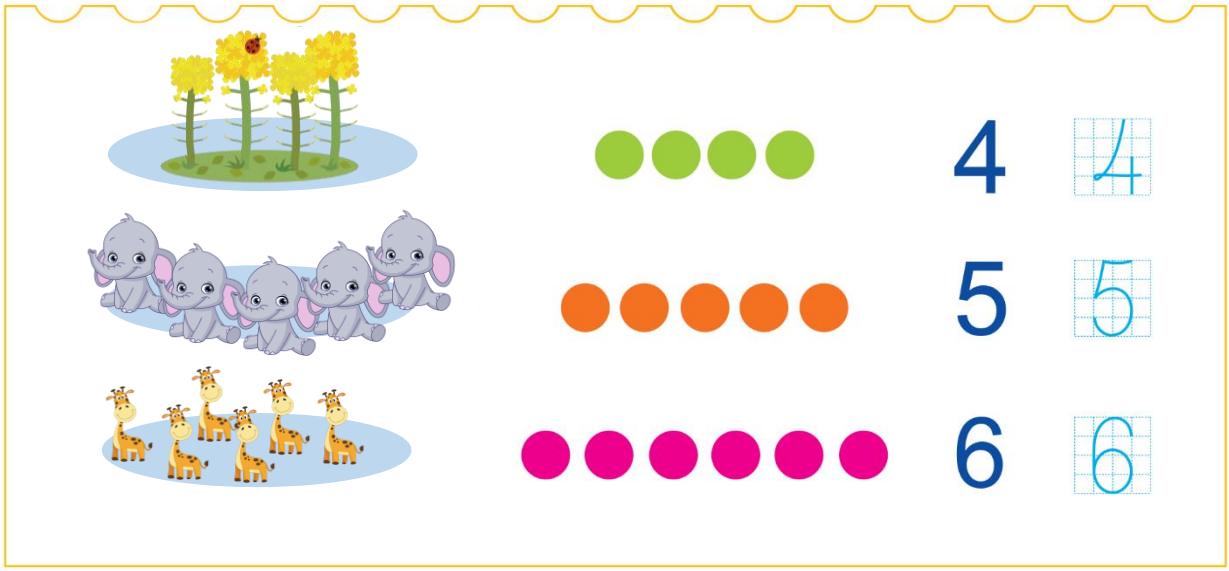

4

4
4
4

5

5
5
5

6

6
6
6

1 Số ?

☐ ☐ ☐

Bài 2

2 Số ?

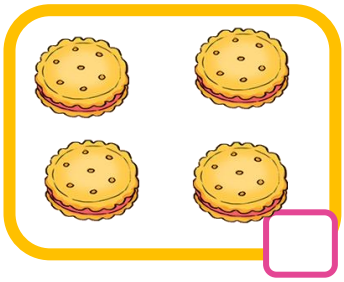

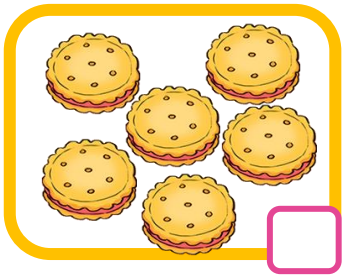

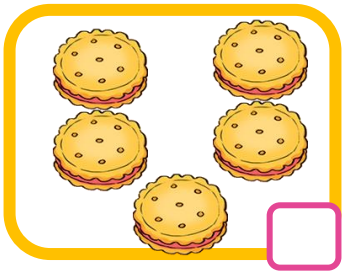

3 Số ?

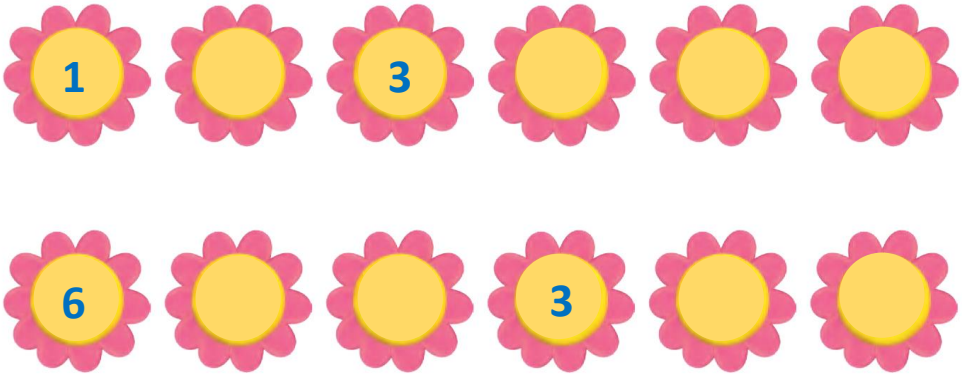

4 Số ?

Bài 3

Các số 7, 8, 9

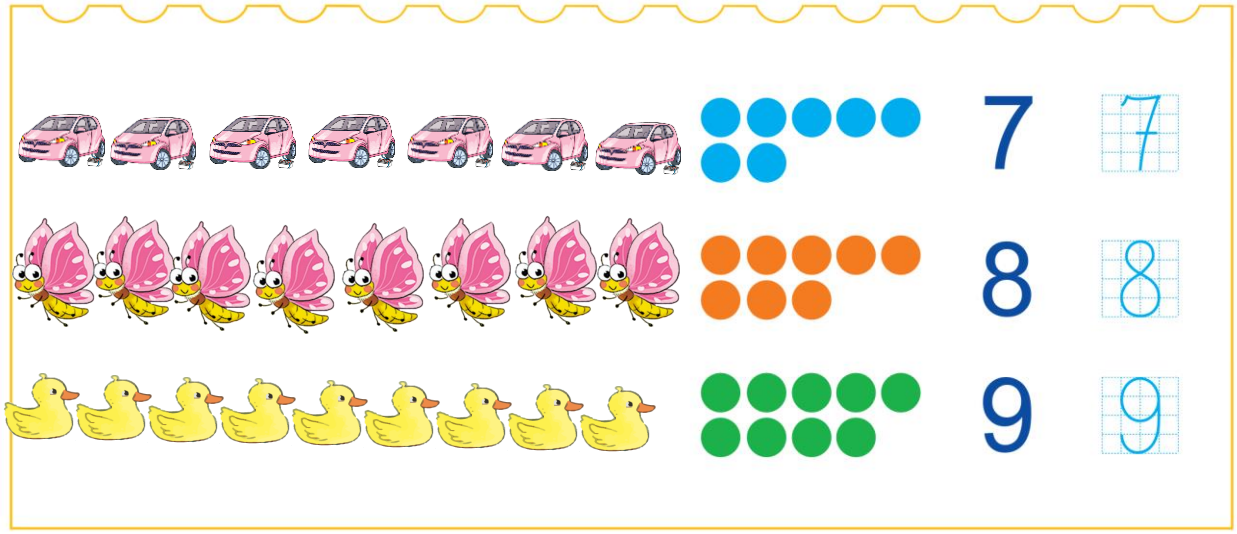

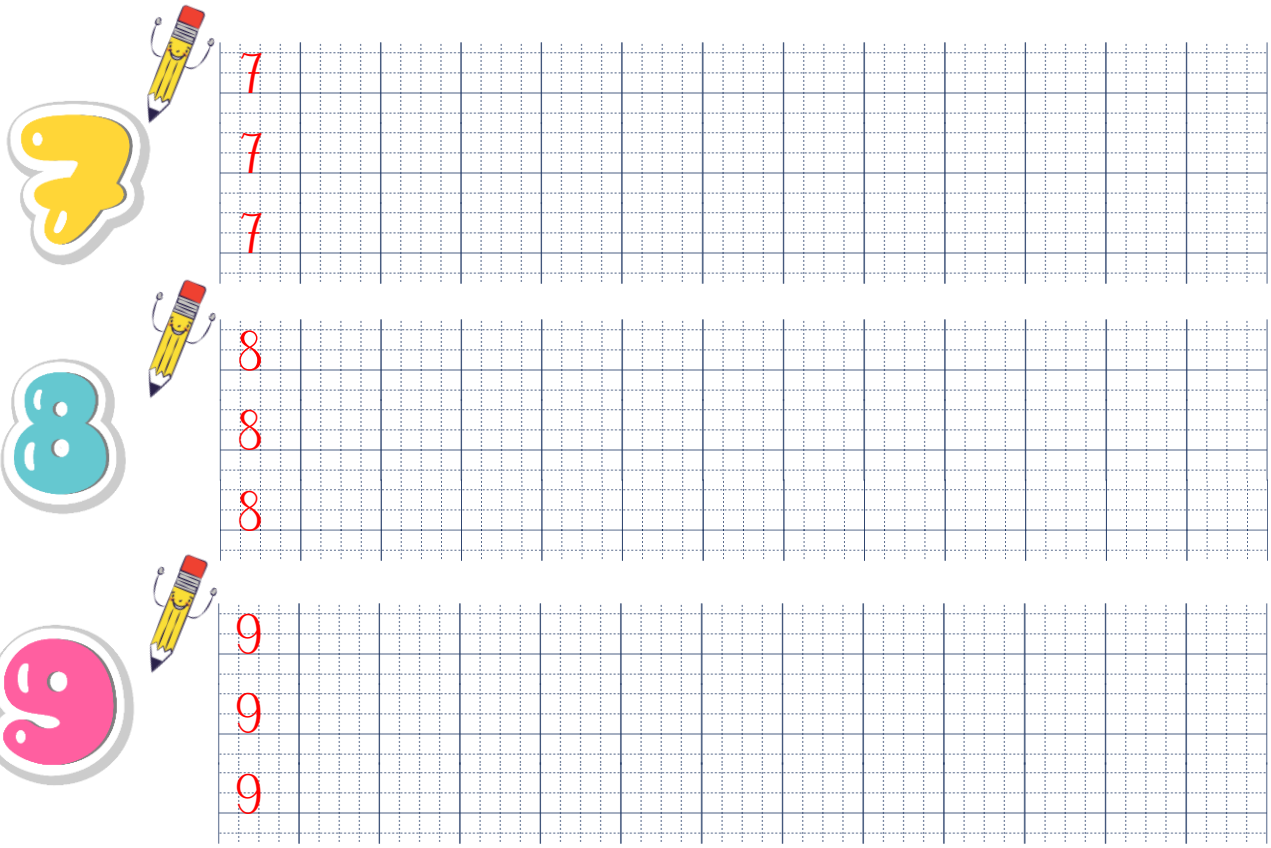

1 Số ?

☐ ☐ ☐

Bài 3

2 Số ?

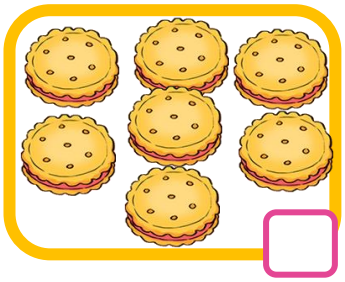

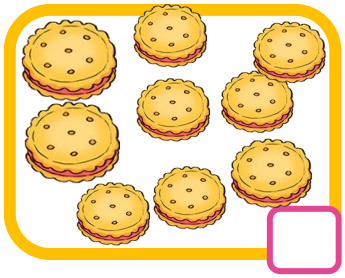

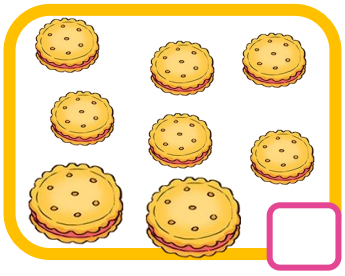

3 Số ?

1 ☐ 3 ☐ ☐ ☐ ☐ 8 ☐

9 ☐ 7 ☐ 5 ☐ ☐ ☐ ☐

4 Số ?

☐ ☐ ☐

☐ ☐ ☐

Bài 4

Số 0, 10

3 2 1 0 0

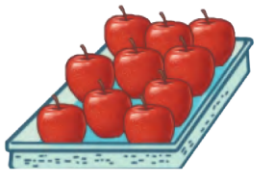

10 10

0
0
0

10
10
10

1 Số ?

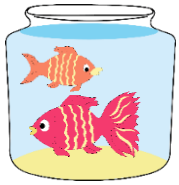

Bài 4

2 Khoanh vào số thích hợp

1 2 3 | 0 1 2 | 2 3 4

3 Khoanh vào số thích hợp

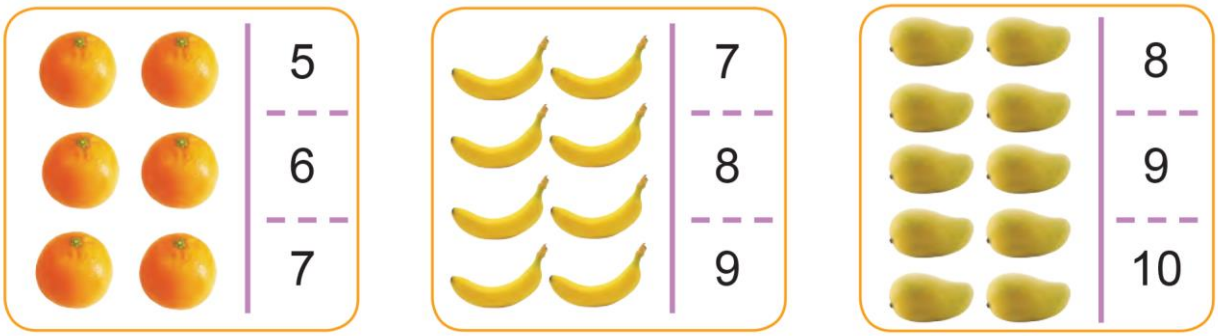

4 Tô màu

5

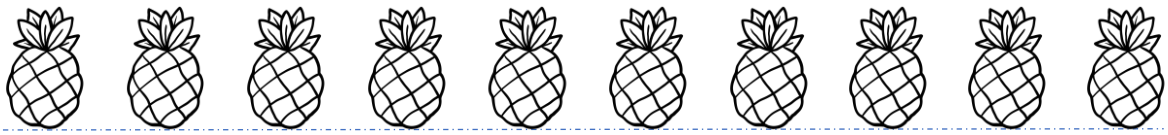

7

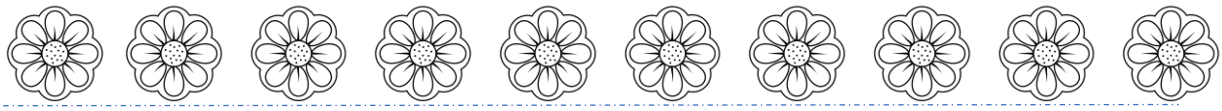

10

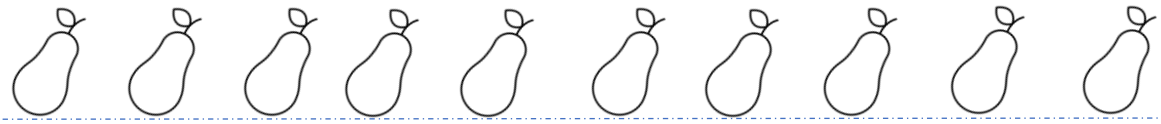

8

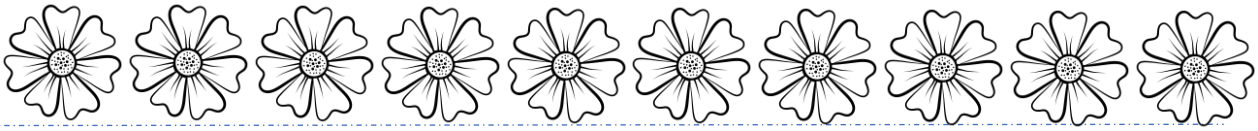

Bài 5 Luyện tập

1 Số ?

3		5

6		8
	2	

7		9
	5	

2 Số ?

a) 2 ☐ 4

b) 3 ☐ 5

c) 4 ☐ 6

d) 7 ☐ 9

e) 8 ☐ 10

g) 0 ☐ 2

3 Nối

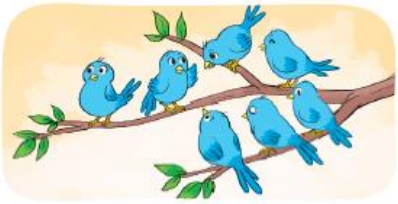

6 7 8 9 10

Bài 5

4 Số ?

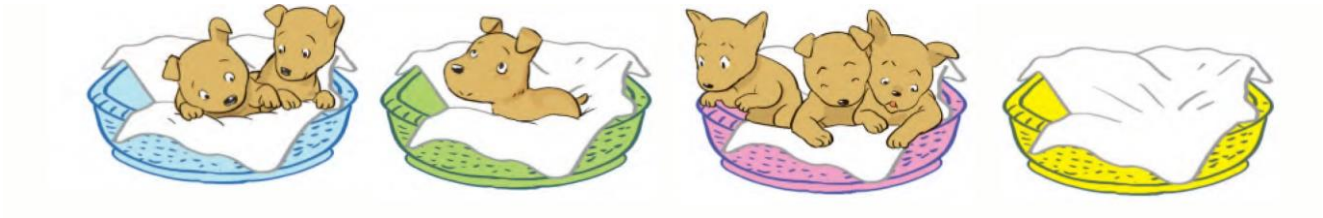

☐ ☐ ☐ ☐

5 Số ?

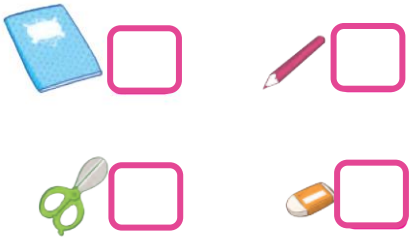

☐ ☐ ☐ ☐

6 Tô màu

10 9 8 7 6

6	10	6	10	6
9	10	9	10	9
10	9	10	9	10
8	10	8	10	8

Bài 6 Nhiều hơn – ít hơn – bằng nhau

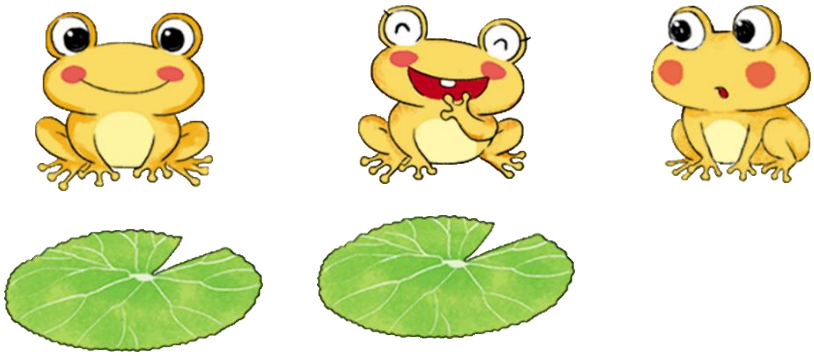

Số nhiều hơn số

Số ít hơn số

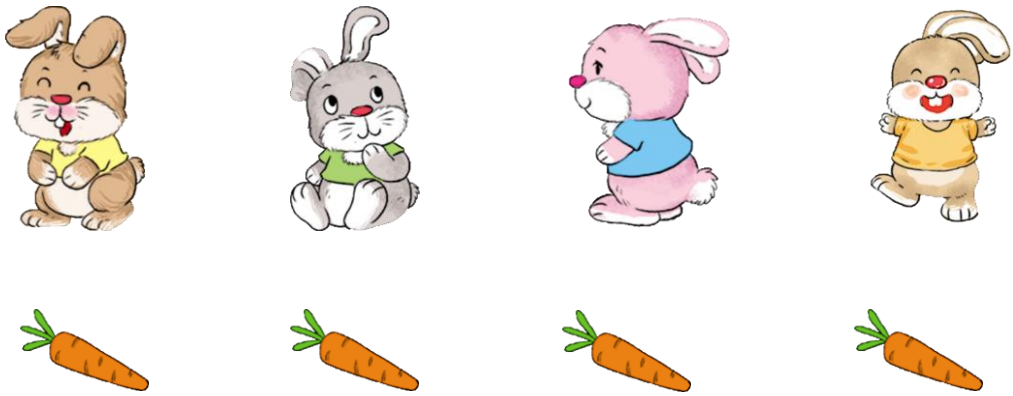

Số bằng số

1 Số bướm nhiều hơn hay số hoa nhiều hơn ?

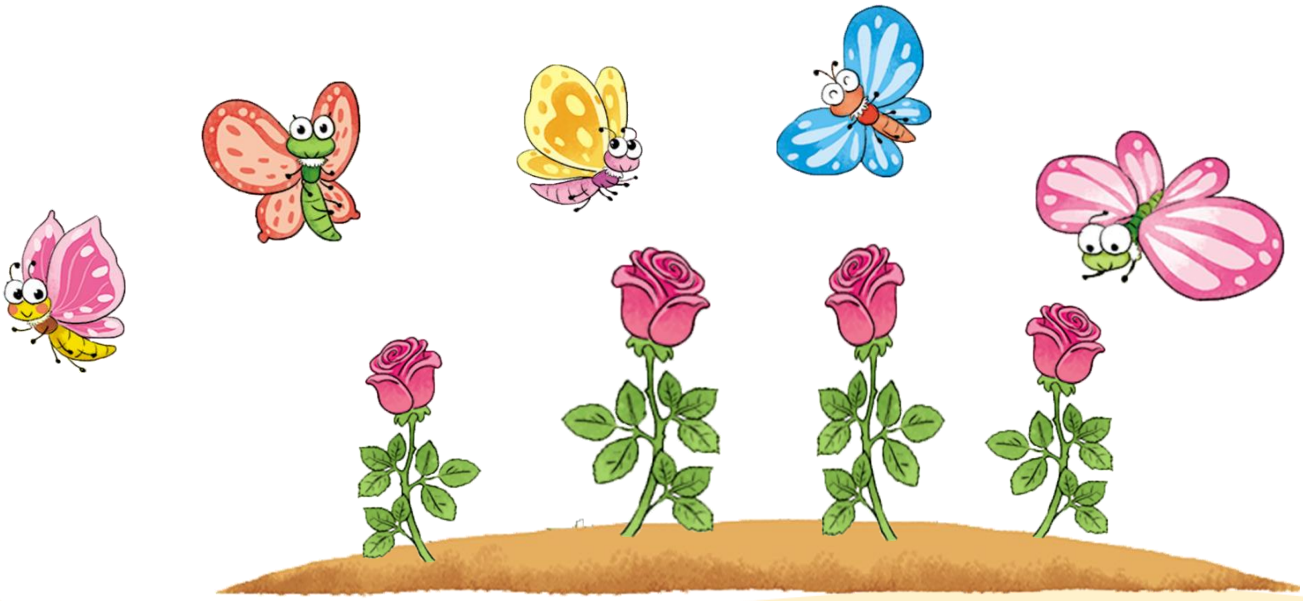

Bài 6

2 Đánh dấu x vào cây có nhiều quả hơn

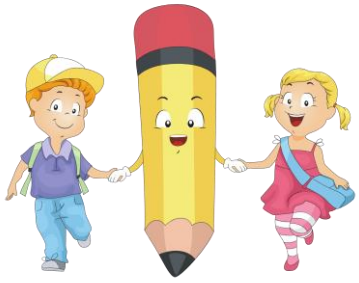

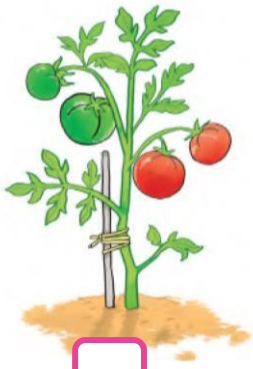

3 Đánh dấu x vào đồ vật ít hơn

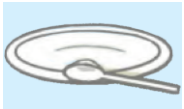

4 Tô màu vào cây có ít hoa nhất, màu vào cây có nhiều hoa nhất

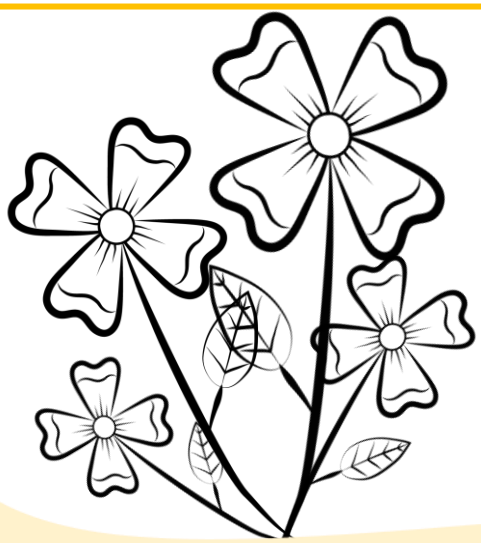

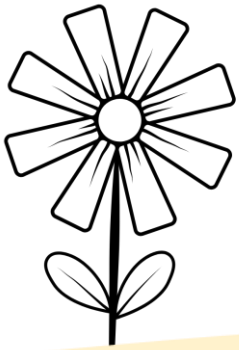

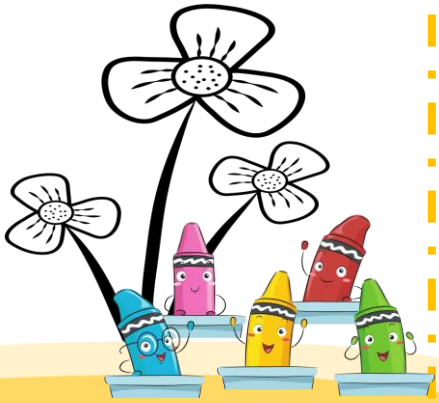

Bài 7

Lớn hơn, dấu >
Bé hơn, dấu <
Bằng nhau, dấu =

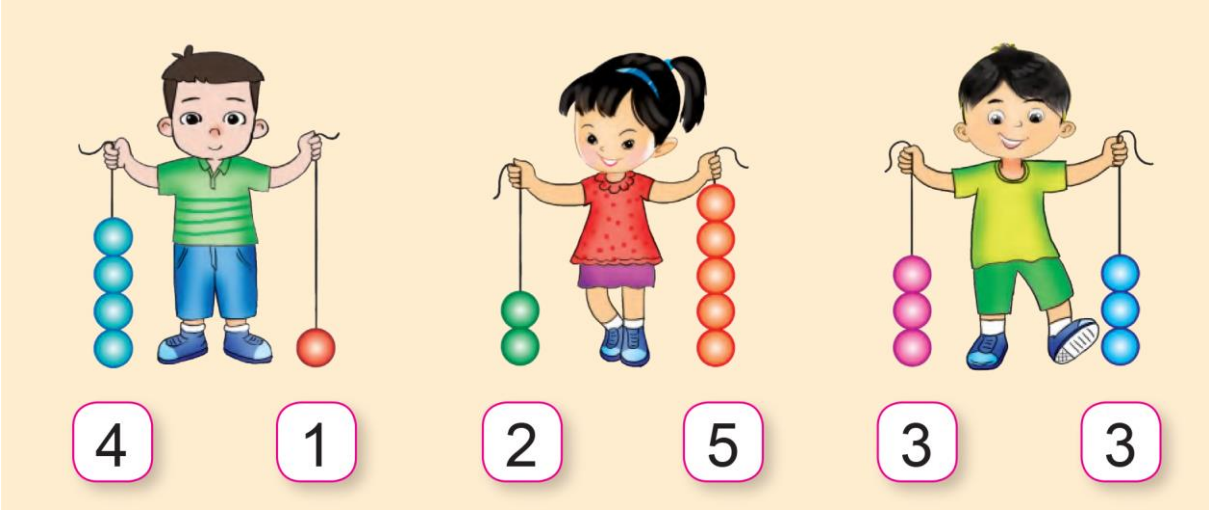

4 > 1	2 < 5	3 = 3
bốn **lớn hơn** một	hai **bé hơn** năm	ba **bằng** ba
> dấu lớn hơn	< dấu bé hơn	= dấu bằng

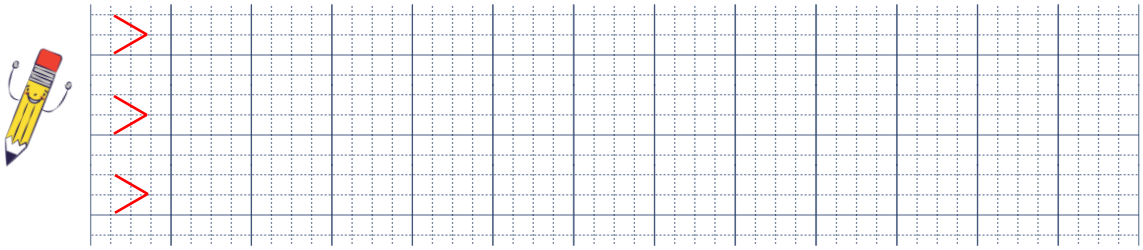

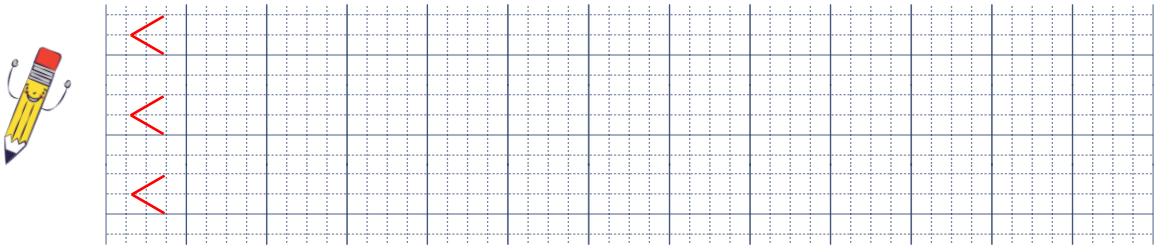

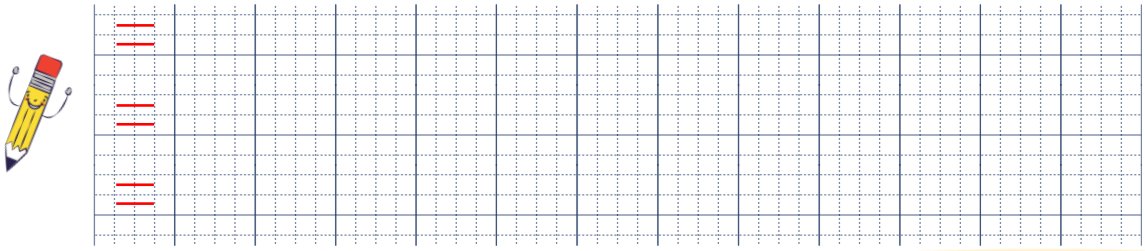

Bài 7

1 <, >, = ?

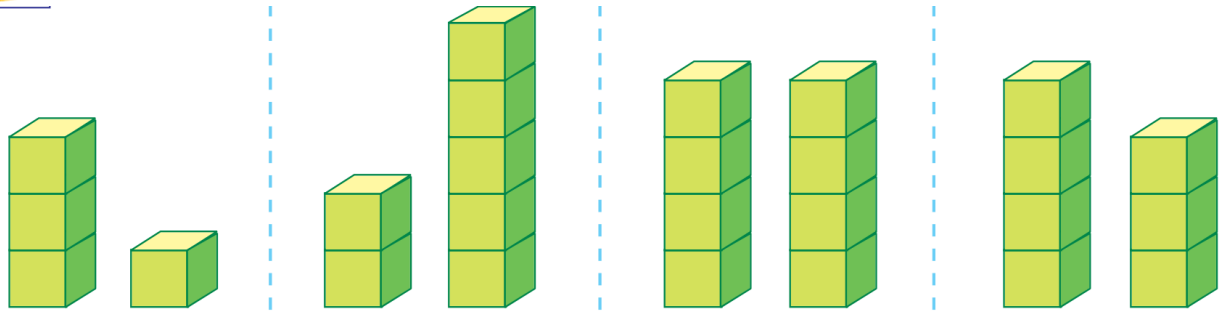

3 > 1 | 2 ☐ 5 | 4 ☐ 4 | 4 ☐ 3

2 Tìm số thích hợp (theo mẫu)

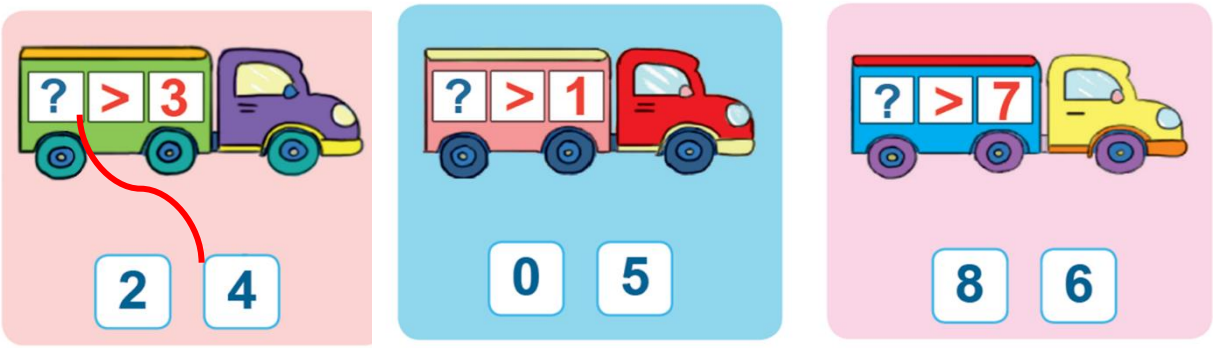

3 So sánh (theo mẫu)

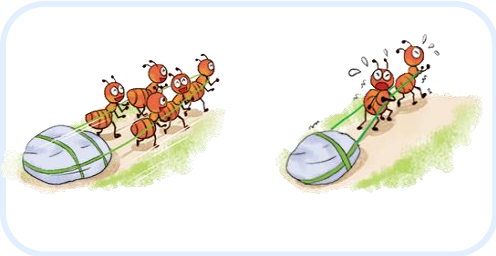

5 > 2

☐ ○ ☐

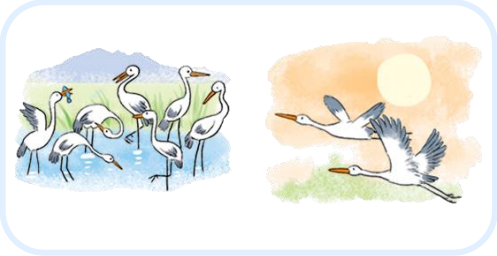

☐ ○ ☐

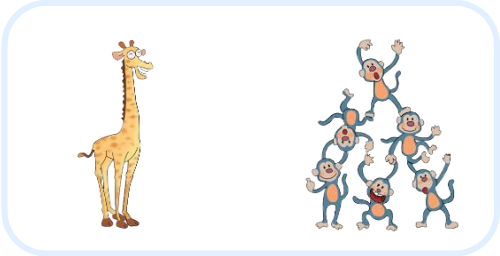

☐ ○ ☐

Bài 8

Luyện tập

1 <, >, = ?

2 ☐ 3 | 3 ☐ 2 | 2 ☐ 2

2 <, >, = ?

4 ☐ 7 | 10 ☐ 2 | 0 ☐ 7 | 6 ☐ 10

6 ☐ 3 | 9 ☐ 9 | 1 ☐ 8 | 8 ☐ 8

3 Hãy giúp Mai tìm đường về nhà của mình bằng cách tô màu vào các ô có số lớn hơn 4.

0	3	1	4	2	4
4	2	3	3	2	6
4	3	1	4	8	7
3	2	4	9	10	2
6	7	5	8	0	0
5	2	3	2	1	4

Bài 9

Luyện tập

1 Khoanh vào chú ếch ghi số lớn hơn

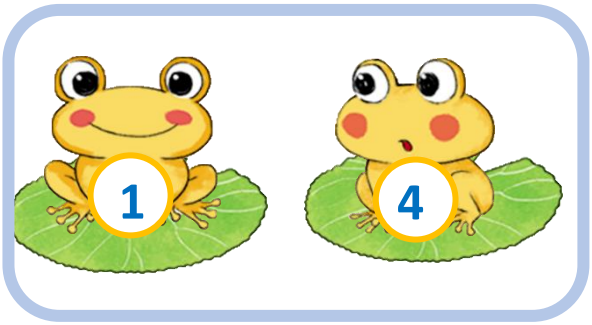

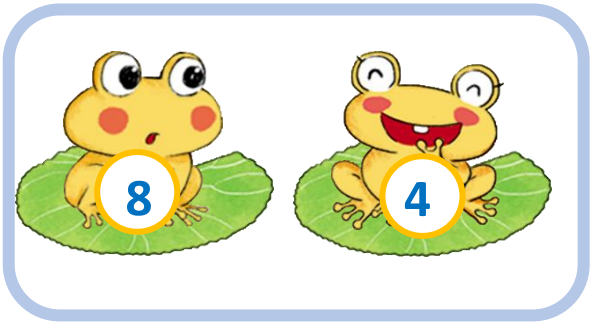

2 Khoanh vào chú thỏ ghi số lớn nhất

3 Sắp xếp các số sau theo thứ tự:

a, Từ lớn đến bé :

.....

b, Từ bé đến lớn :

.....

4 <, >, = ?

7	☐	7	8	☐	2	4	☐	5	6	☐	5
6	☐	9	2	☐	8	1	☐	10	3	☐	3

Bài 10 Hình vuông, hình tròn, hình tam giác, hình chữ nhật

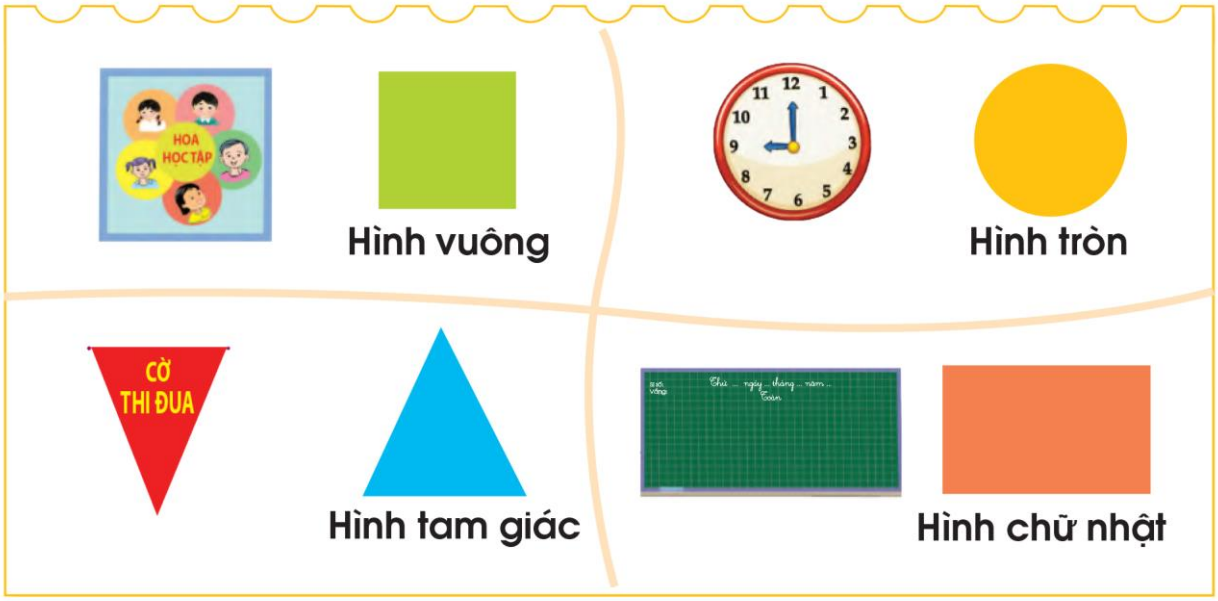

1 Nối

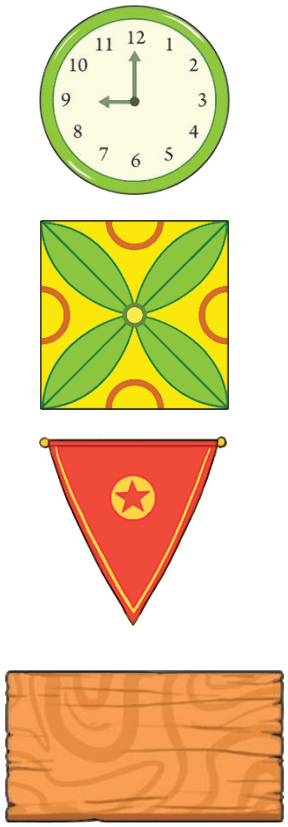

Hình vuông

Hình tròn

Hình chữ nhật

Hình tam giác

Bài 10

2 Có bao nhiêu hình?

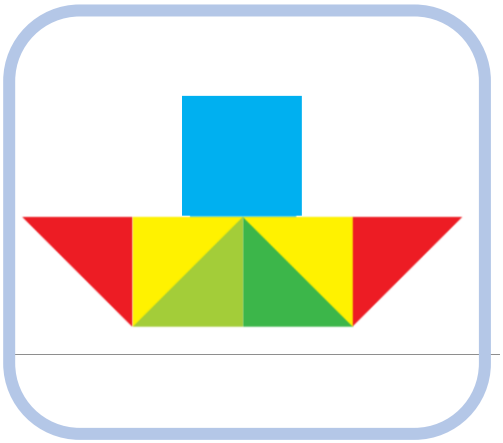

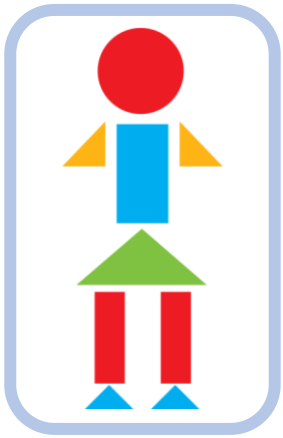

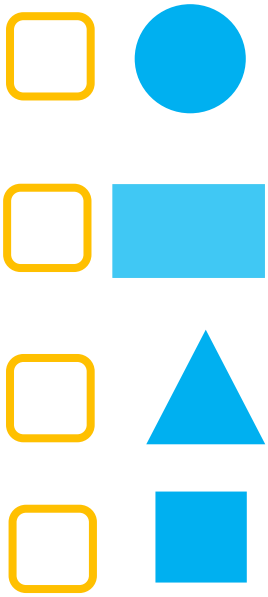

3 Tô màu xanh vào hình tam giác, màu đỏ và hình tròn, màu vàng vào hình vuông, màu tím vào hình chữ nhật

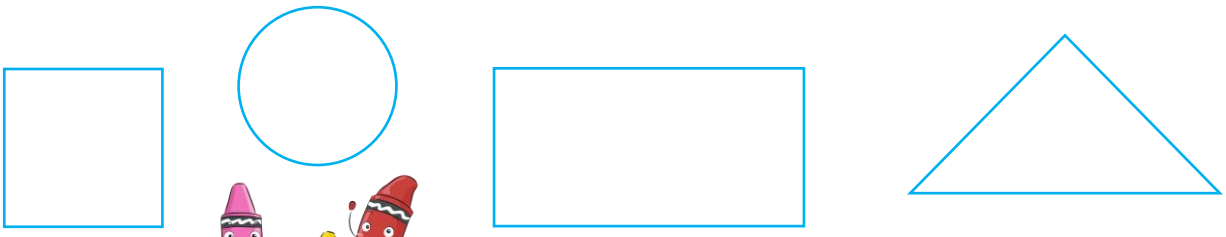

Bài 11

Mấy và mấy

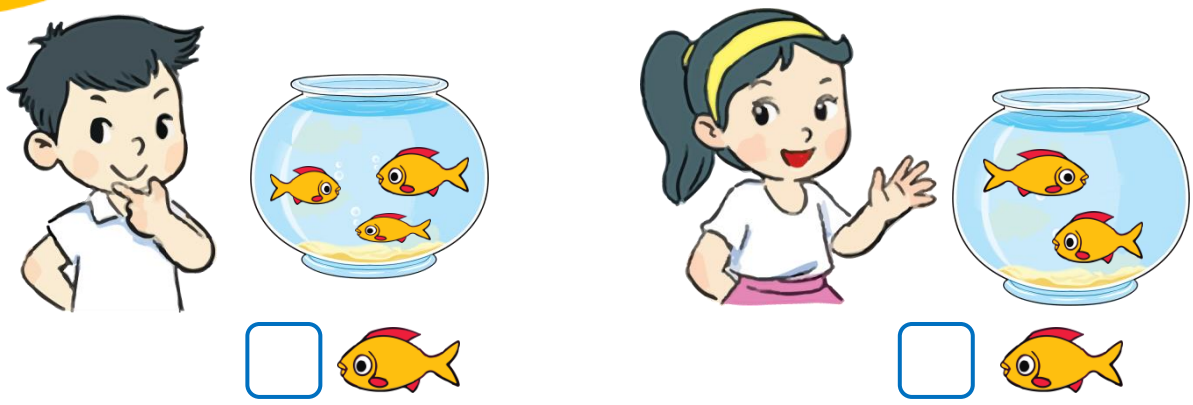

3 và 2 được

1 Số ?

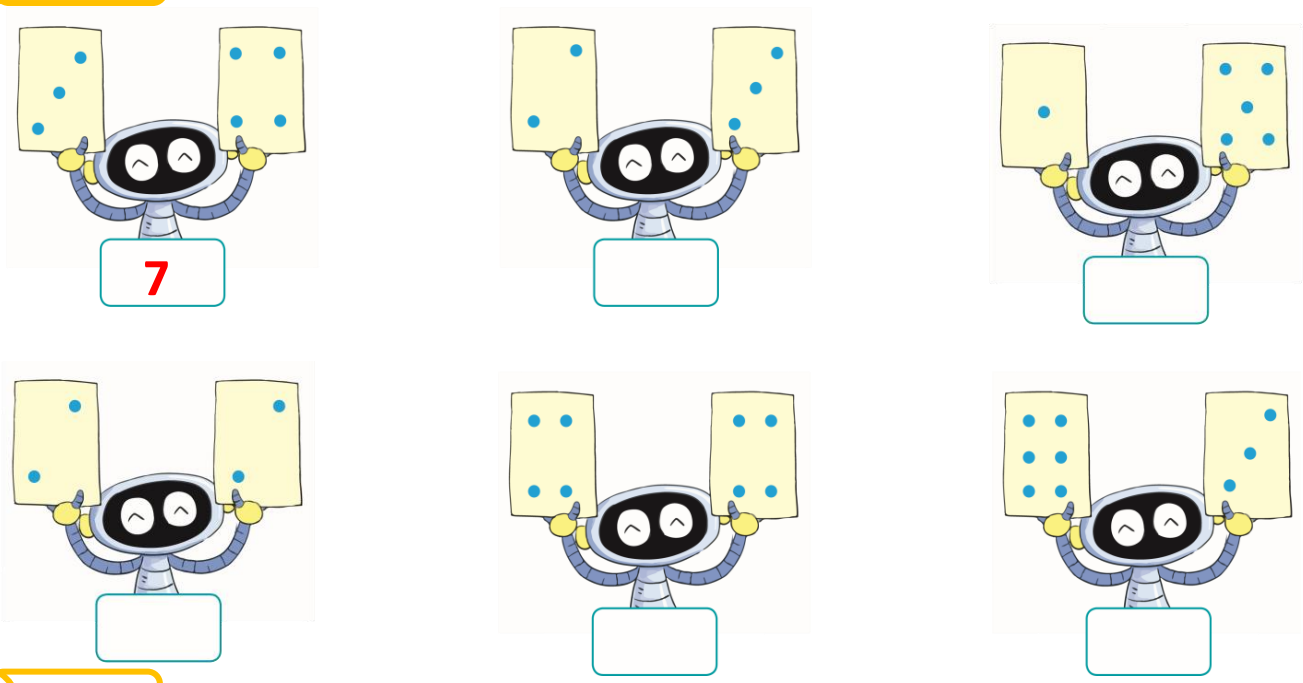

2 Nối ?

Bài 11

3 Số ?

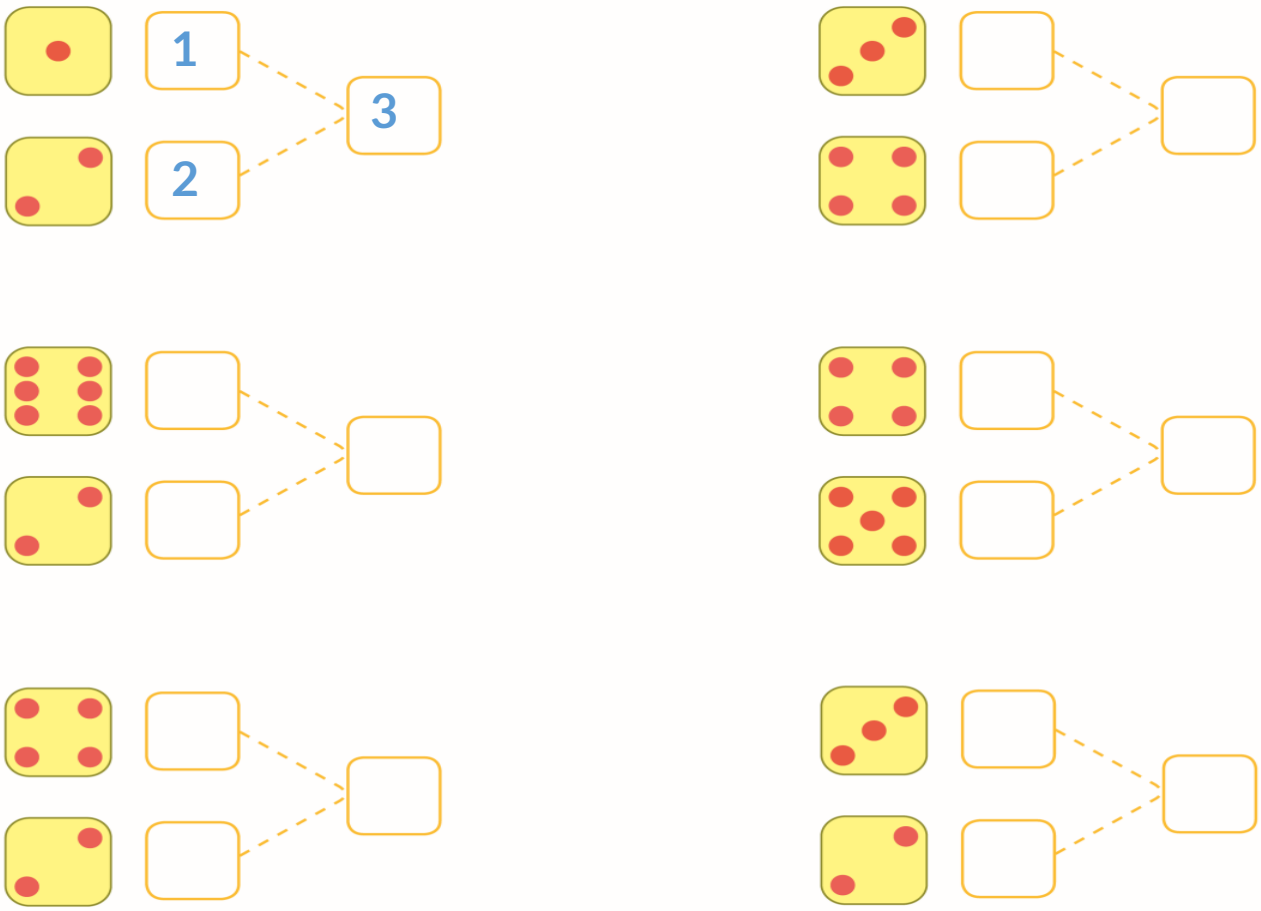

4 Số ?

a)

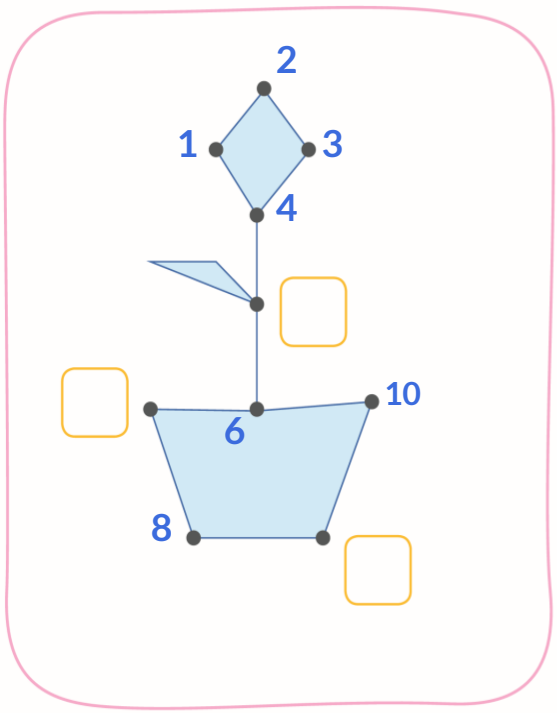

b)

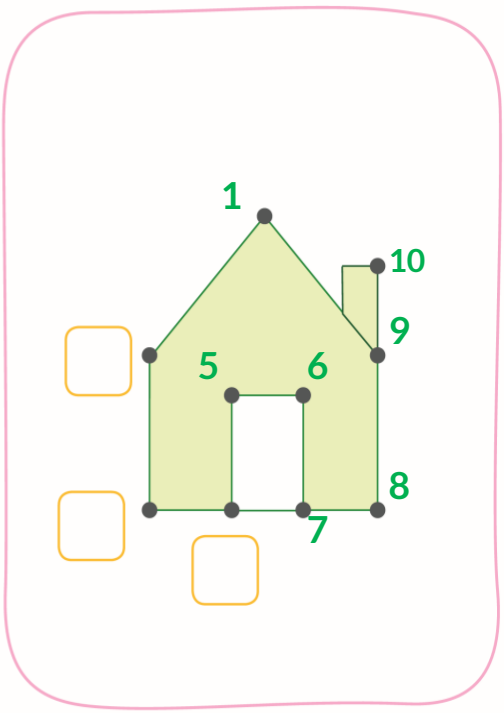

Bài 12

Làm quen với phép cộng, dấu cộng

3 + 2 = 5

Ba cộng hai bằng năm

1 **Số ?**

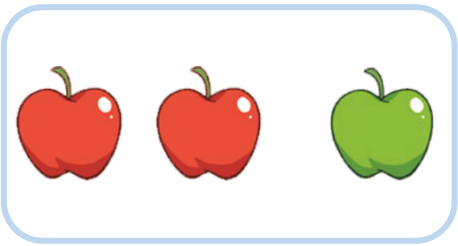

2 + 1 = ...

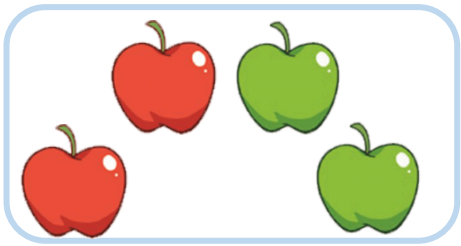

2 + 2 = ...

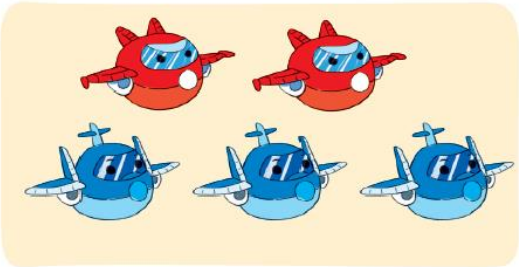

2 + 3 = ...

3 + 1 = ...

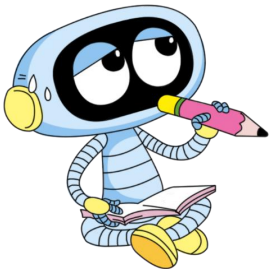

Bài 12

2 Viết phép tính thích hợp

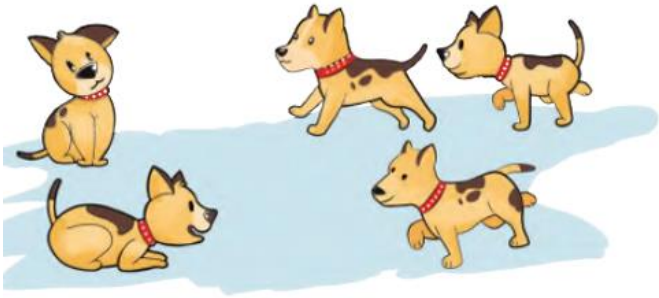

☐ + ☐ = ☐

☐ + ☐ = ☐

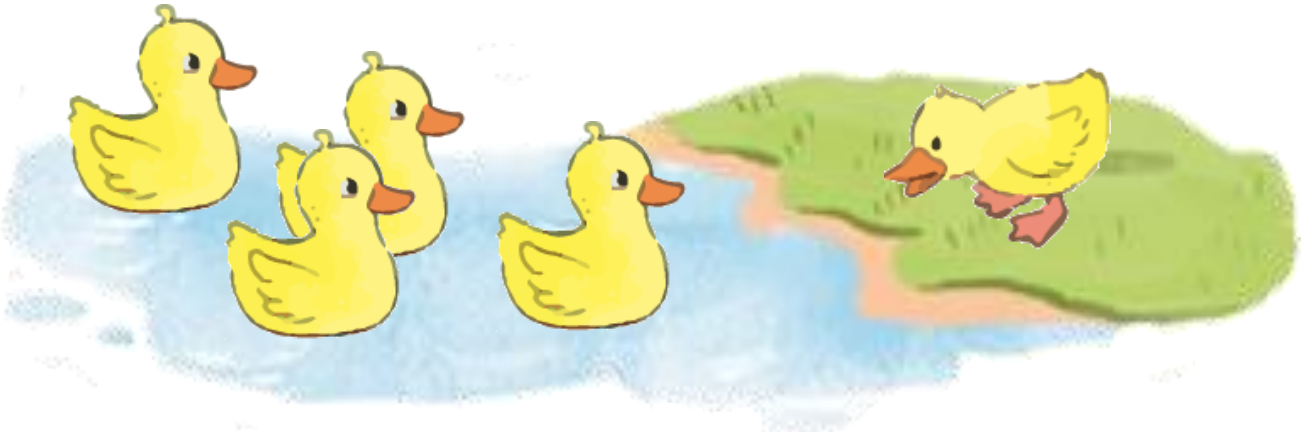

☐ + ☐ = ☐

3 Nối phép tính với hình thích hợp ?

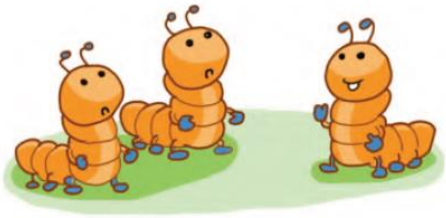

2 + 2

2 + 1

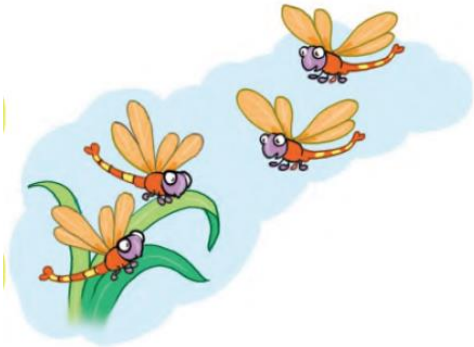

4 Tính ?

1 + 1 = ... 1 + 2 = ... 1 + 3 = ...

2 + 1 = ... 2 + 3 = ... 3 + 1 = ...

Bài 13 Phép cộng trong phạm vi 6

1 Số ?

2 + 1 = ☐

3 + 2 = ☐

1 + 3 = ☐

5 + 1 = ☐

2 Số ?

4 + ☐ = ☐

3 + ☐ = ☐

3 Tính

1 + 1 = ...	1 + 2 = ...	1 + 5 = ...
2 + 2 = ...	2 + 4 = ...	3 + 3 = ...
4 + 1 = ...	2 + 3 = ...	1 + 4 = ...

Bài 13

4 Viết phép tính thích hợp

☐ + ☐ = ☐

☐ + ☐ = ☐

☐ + ☐ = ☐

5 Số?

1 + ... = 2
2 + ... = 4
4 + ... = 5

.... + 2 = 5
2 + ... = 6
4 + ... = 6

3 + ... = 5
.... + 3 = 6
.... + 4 = 6

Bài 14 Phép cộng trong phạm vi 6 (tiếp theo)

1 Viết các phép tính còn thiếu

1 + 1	2 + 1	3 + 1	4 + 1	5 + 1
1 + 2	2 + 2			
1 + 4				
1 + 5				

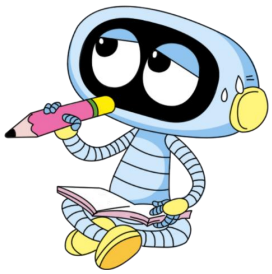

2 Tính

4 + 1 = ...
5 + 1 = ...
2 + 1 = ...
1 + 2 = ...

3 + 2 = ...
2 + 2 = ...
3 + 1 = ...
1 + 3 = ...

2 + 3 = ...
3 + 3 = ...
4 + 2 = ...
2 + 4 = ...

3 Tính (theo mẫu)

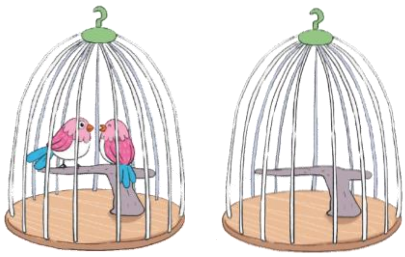

2 + 0 = 2

2 + 0 = ...
4 + 0 = ...
5 + 0 = ...

6 + 0 = ...
0 + 2 = ...
0 + 3 = ...

Bài 14

4 Viết phép tính thích hợp

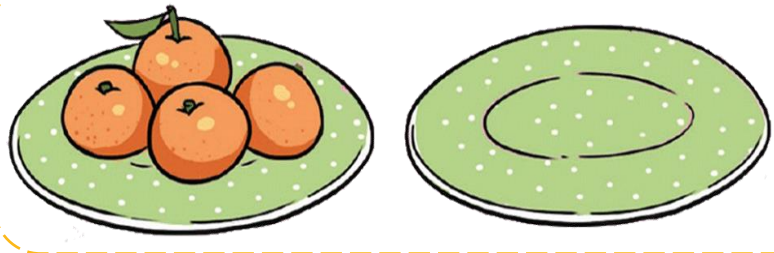

☐ + ☐ = ☐

☐ + ☐ = ☐

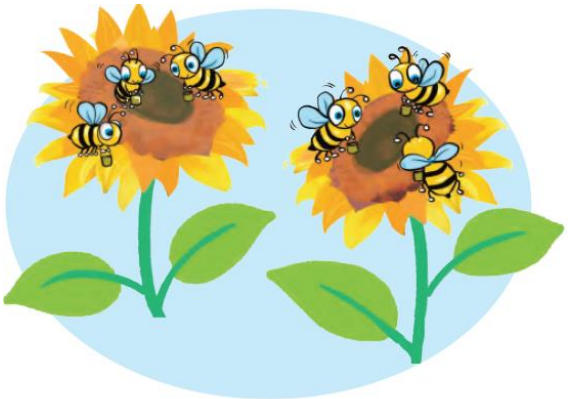

☐ + ☐ = ☐

5 Số ?

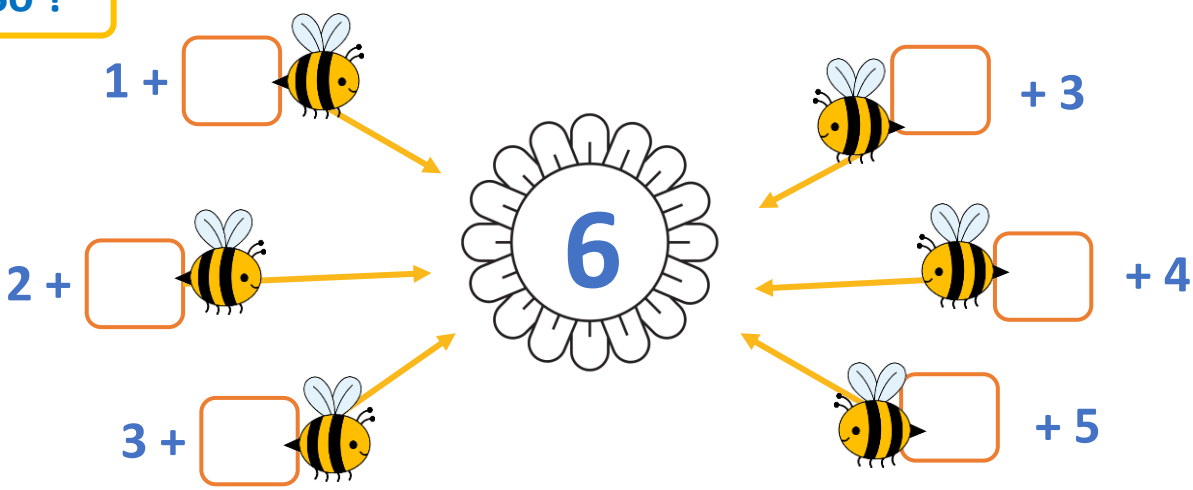

Bài 15

Luyện tập

1 Tính

2 + 1 = ...	1 + 1 = ...	1 + 0 = ...
1 + 4 = ...	2 + 2 = ...	0 + 3 = ...
1 + 5 = ...	3 + 3 = ...	4 + 0 = ...
4 + 2 = ...	2 + 3 = ...	0 + 6 = ...

2 Số ?

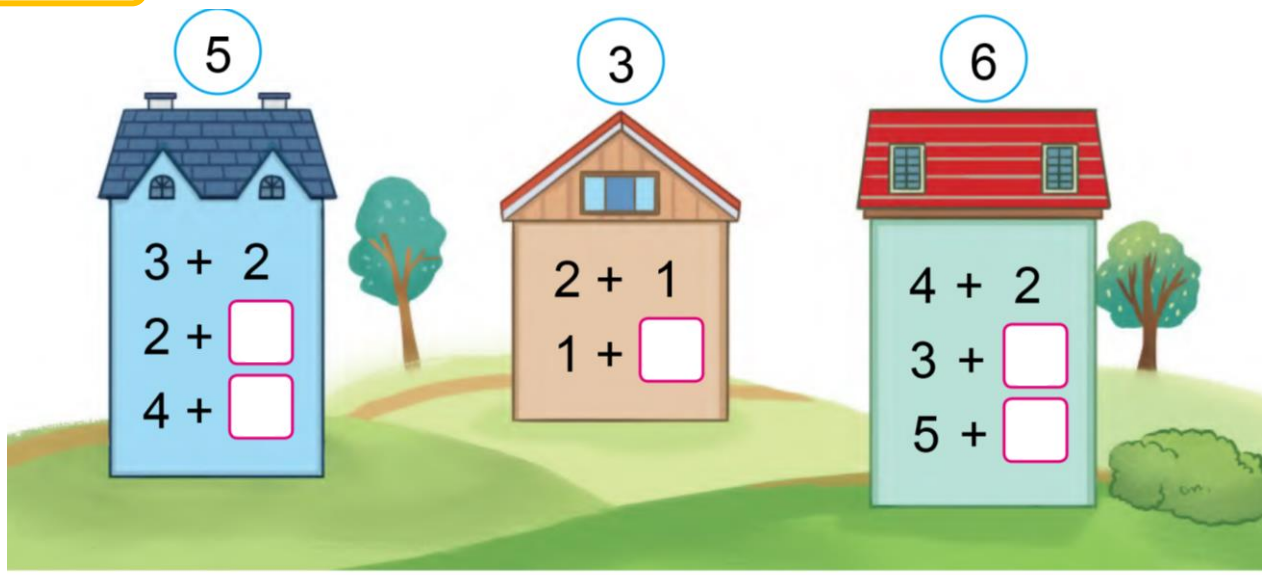

3 Viết phép tính thích hợp

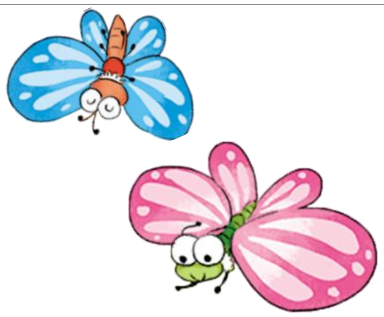

☐ + ☐ = ☐

Bài 15

4 Tìm cánh hoa cho mỗi chú ong

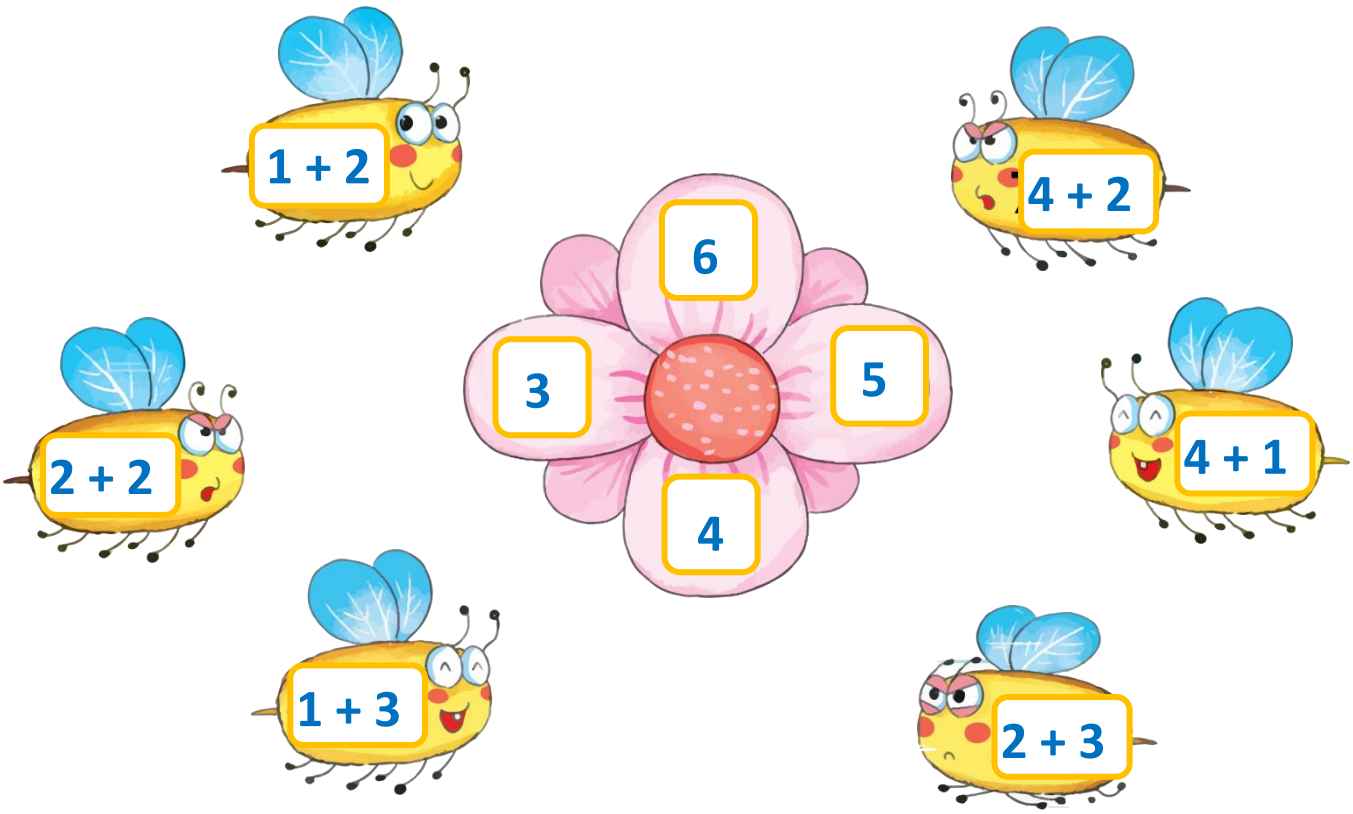

5 Tô màu ?

1 =

2 =

3 =

4 =

5 =

Bài 16 Phép cộng trong phạm vi 10

1 Số ?

5 + 2 = ☐

6 + 1 = ☐

7 + 2 = ☐

7 + 3 = ☐

2 Số ?

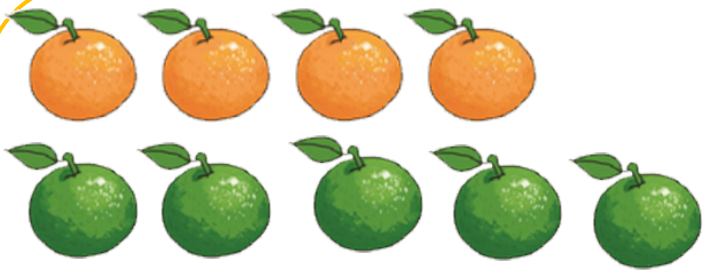

4 + 5 = ☐

5 + 4 = ☐

4

5

☐

3 Tính

7 + 1 = ...	9 + 1 = ...	2 + 8 = ...
8 + 2 = ...	5 + 5 = ...	5 + 3 = ...
3 + 5 = ...	3 + 6 = ...	4 + 6 = ...
4 + 3 = ...	3 + 4 = ...	1 + 6 = ...

Bài 16

4 Tô màu ?

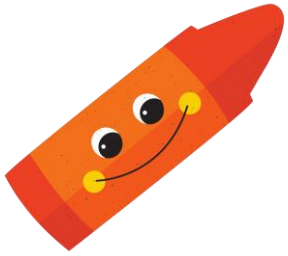

6 =

7 =

8 =

9 =

10 =

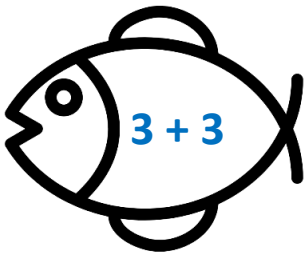

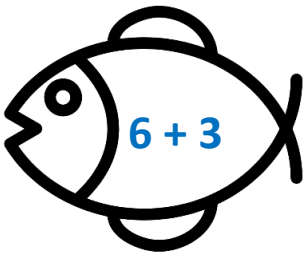

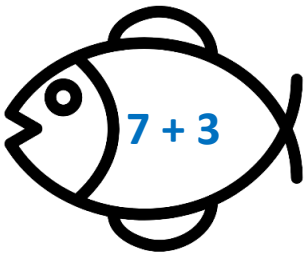

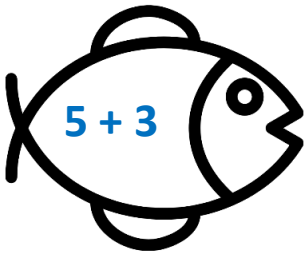

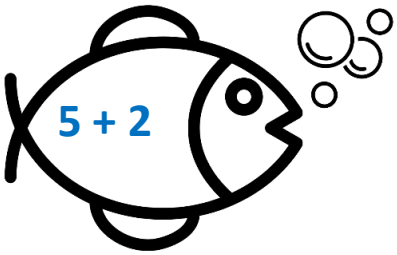

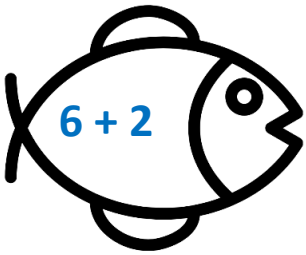

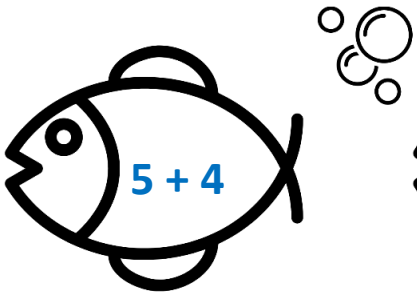

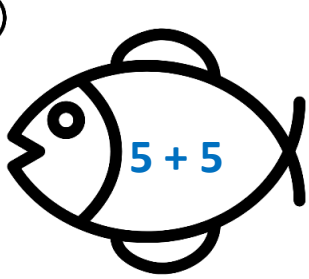

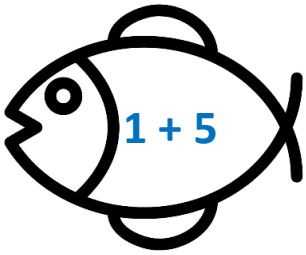

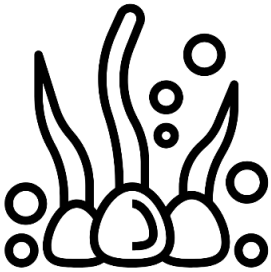

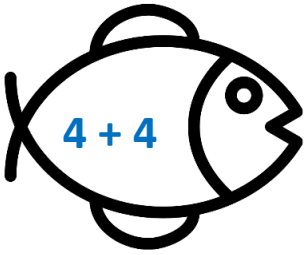

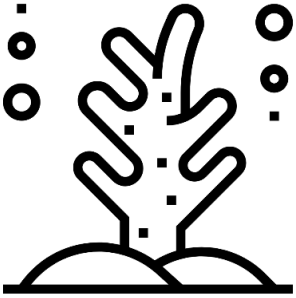

Bài 17

Luyện tập

1 Nối

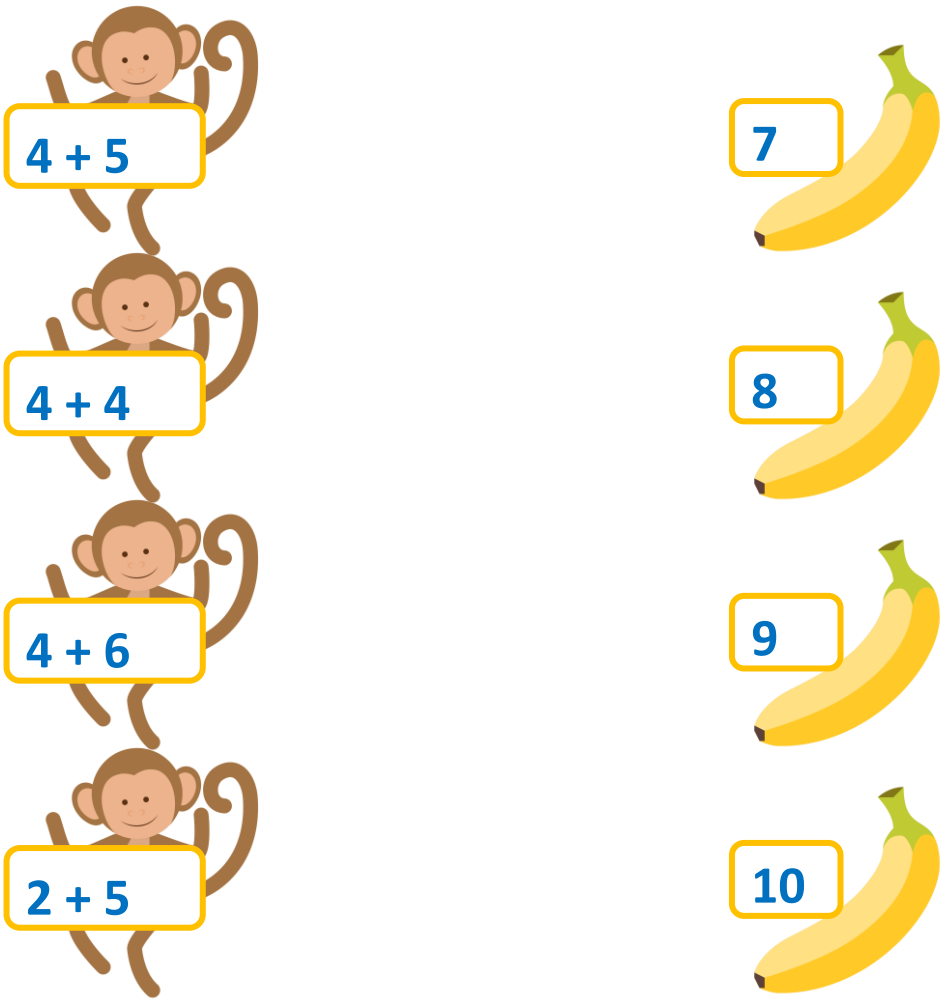

2 Tính

7 + 1 = ...	9 + 1 = ...	0 + 8 = ...
1 + 7 = ...	1 + 9 = ...	0 + 8 = ...
3 + 6 = ...	9 + 0 = ...	10 + 0 = ...
6 + 3 = ...	0 + 9 = ...	0 + 10 = ...

Bài 17

3 Viết phép tính thích hợp

☐ + ☐ = ☐

☐ + ☐ = ☐

☐ + ☐ = ☐

4 Tô màu vào quả bóng ghi phép tính có kết quả lớn nhất

Bài 18 Phép cộng trong phạm vi 10 (tiếp theo)

1 Viết các phép tính còn thiếu

1 + 1	2 + 1	3 + 1	4 + 1	5 + 1	6 + 1	7 + 1	8 + 1	9 + 1
1 + 2		3 + 2	4 + 2		6 + 2			
1 + 3	2 + 3	3 + 3		5 + 3		7 + 3		
		3 + 4	4 + 4		6 + 4			
1 + 5	2 + 5		4 + 5	5 + 5				
	2 + 6	3 + 6	4 + 6					
1 + 7		3 + 7						
1 + 8	2 + 8							
1 + 9								

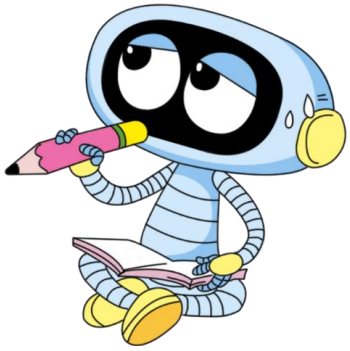

2 Tính

7 + ... = 7

.... + 7 = 8

3 + ... = 9

.... + 3 = 10

.... + 1 = 7

6 + ... = 8

9 + ... = 9

.... + 9 = 10

0 + ... = 7

..... + 8 = 8

7 + ... = 9

.... + 8 = 10

Bài 18

3 Nối

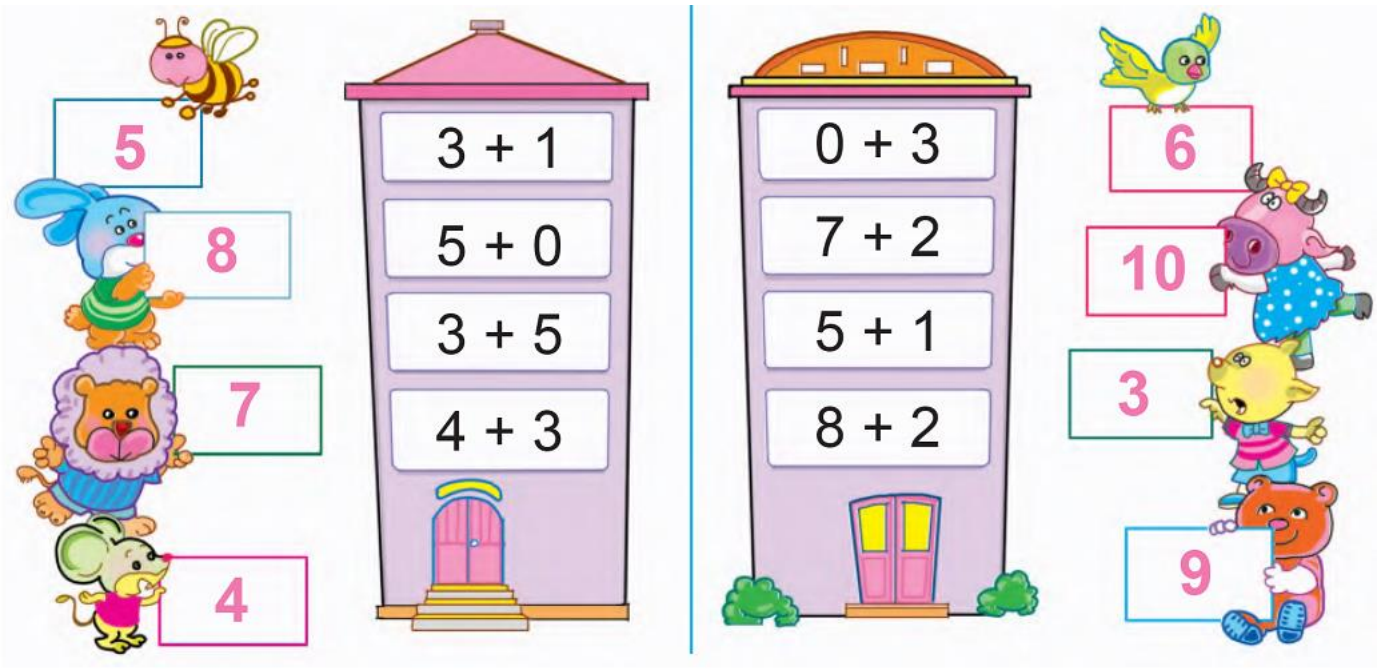

4 Viết phép tính thích hợp

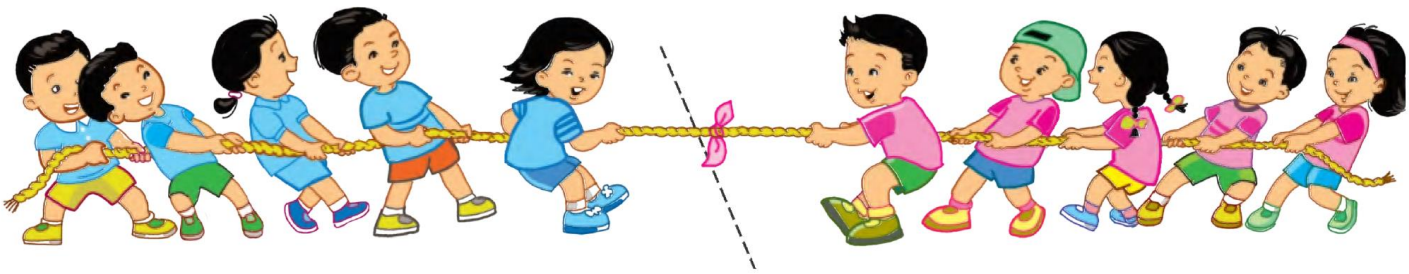

☐ + ☐ = ☐

☐ + ☐ = ☐

Bài 19

Luyện tập

1 Tính

7 + 1 = ...	4 + 4 = ...	9 + 0 = ...
5 + 4 = ...	5 + 3 = ...	0 + 8 = ...
8 + 2 = ...	6 + 3 = ...	10 + 0 = ...
9 + 1 = ...	2 + 8 = ...	0 + 7 = ...

2 Tìm kết quả ghi ở mỗi toa tàu

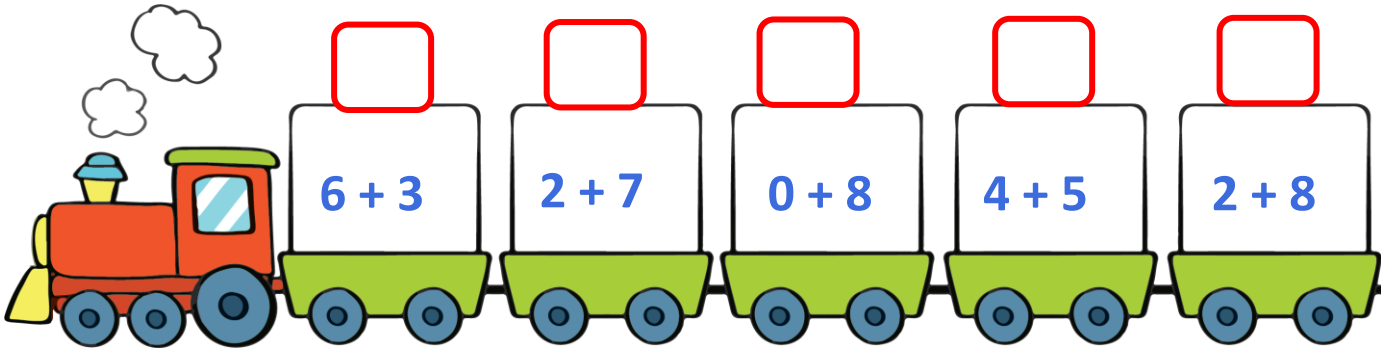

3 Số ?

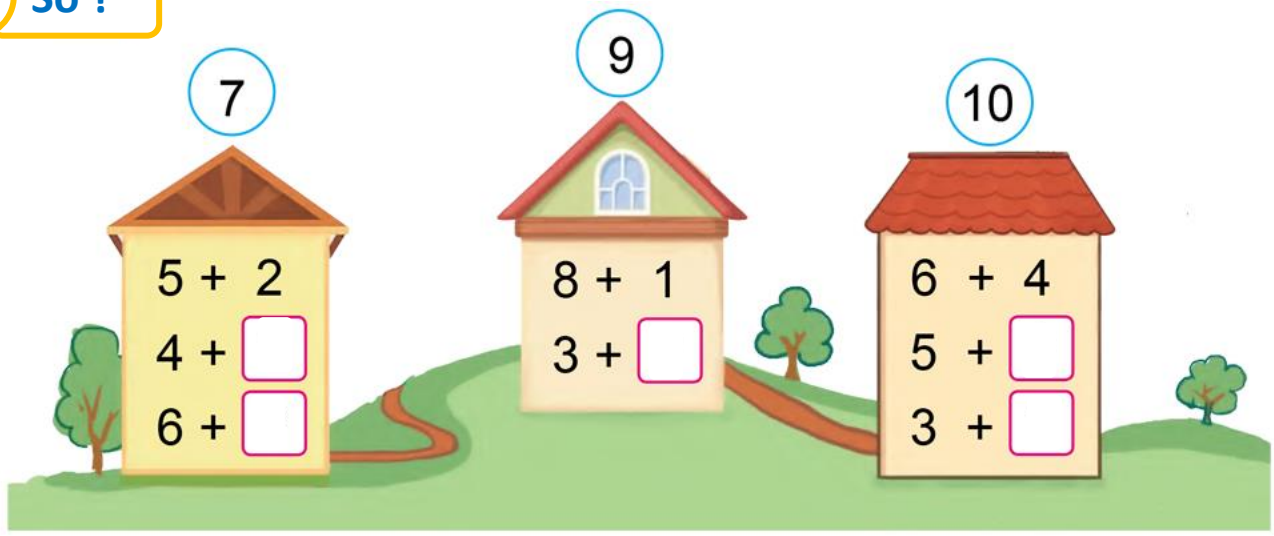

Bài 19

4 <, >, = ?

7 + 1 9	2 + 4 6	9 + 0 10
5 + 4 10	4 + 3 6	0 + 8 8
8 + 2 7	6 + 3 8	10 + 0 10
9 + 1 10	2 + 8 9	0 + 7 6

5 Tô màu ?

6 = 7 = 8 = 9 = 10 =

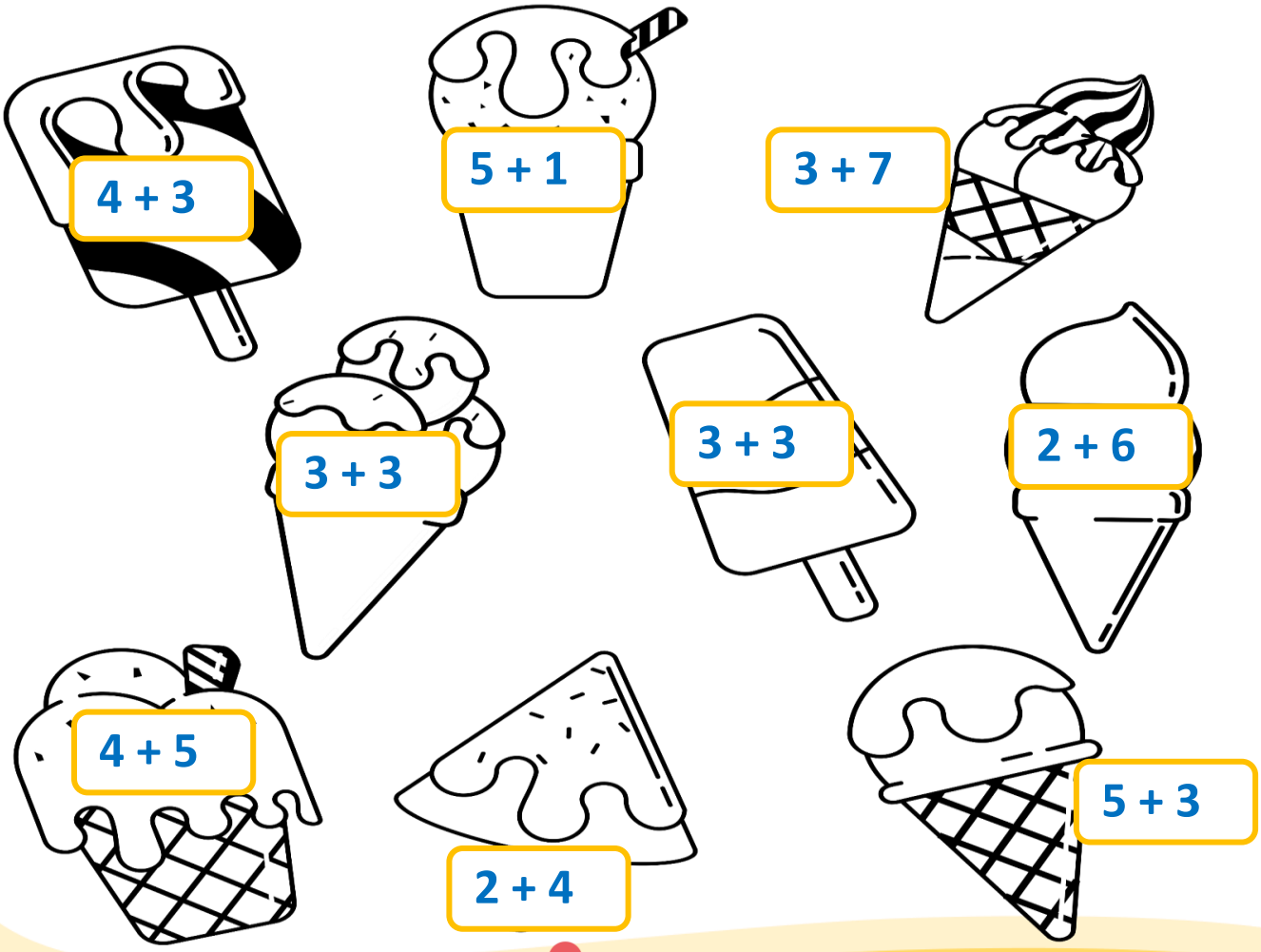

Bài 20

Làm quen với phép trừ, dấu trừ

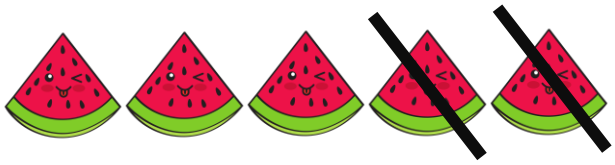

5 - 2 = 3

Năm trừ hai bằng ba

1 Số ?

3 – 1 = ☐

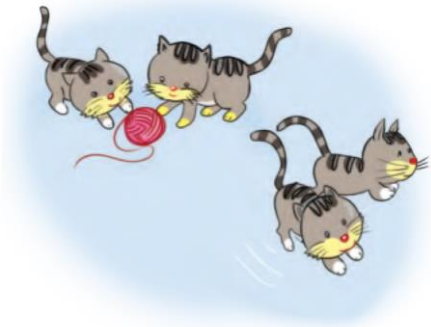

4 – 2 = ☐

2 Nối

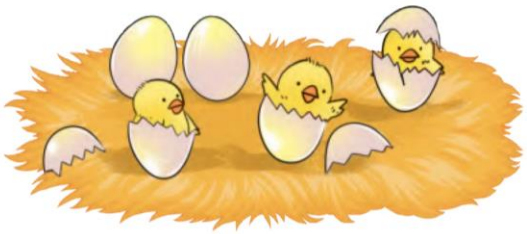

5 – 1

5 – 3

Bài 20

3 Viết phép tính thích hợp

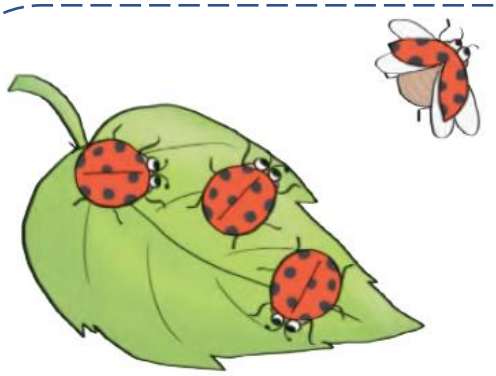

4 - ☐ = ☐

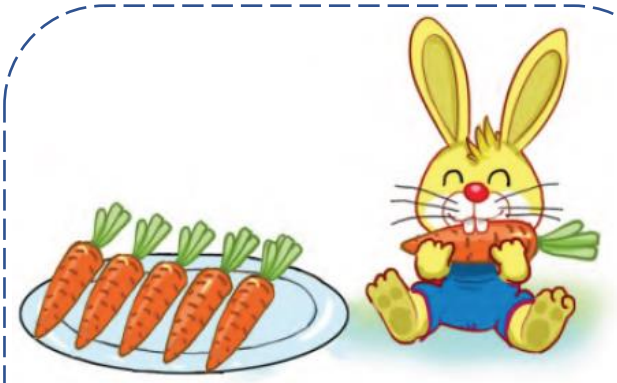

6 - ☐ = ☐

7 - ☐ = ☐

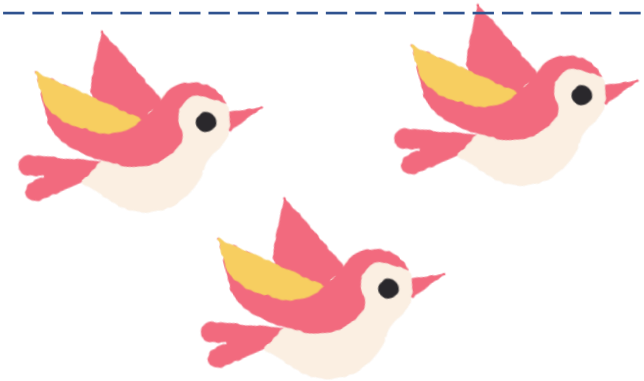

6 - ☐ = ☐

Bài 21 Phép trừ trong phạm vi 6

1 Số ?

4 – 3 = ☐

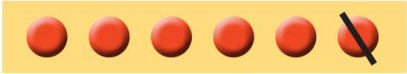

6 – 1 = ☐

6 – 3 = ☐

5 – 4 = ☐

2 Tính

2 - 1 = ...
3 - 1 = ...
4 - 1 = ...
5 - 1 = ...

3 - 2 = ...
5 - 3 = ...
6 - 3 = ...
4 - 3 = ...

6 - 2 = ...
5 - 4 = ...
4 - 2 = ...
6 - 4 = ...

3 Viết phép tính thích hợp

☐ - ☐ = ☐

Bài 21

4 Viết phép tính thích hợp

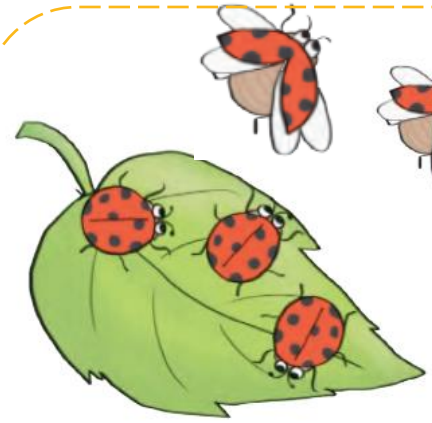

☐ - ☐ = ☐

☐ - ☐ = ☐

5 Khoanh vào chú thỏ ghi phép tính có kết quả bằng 3

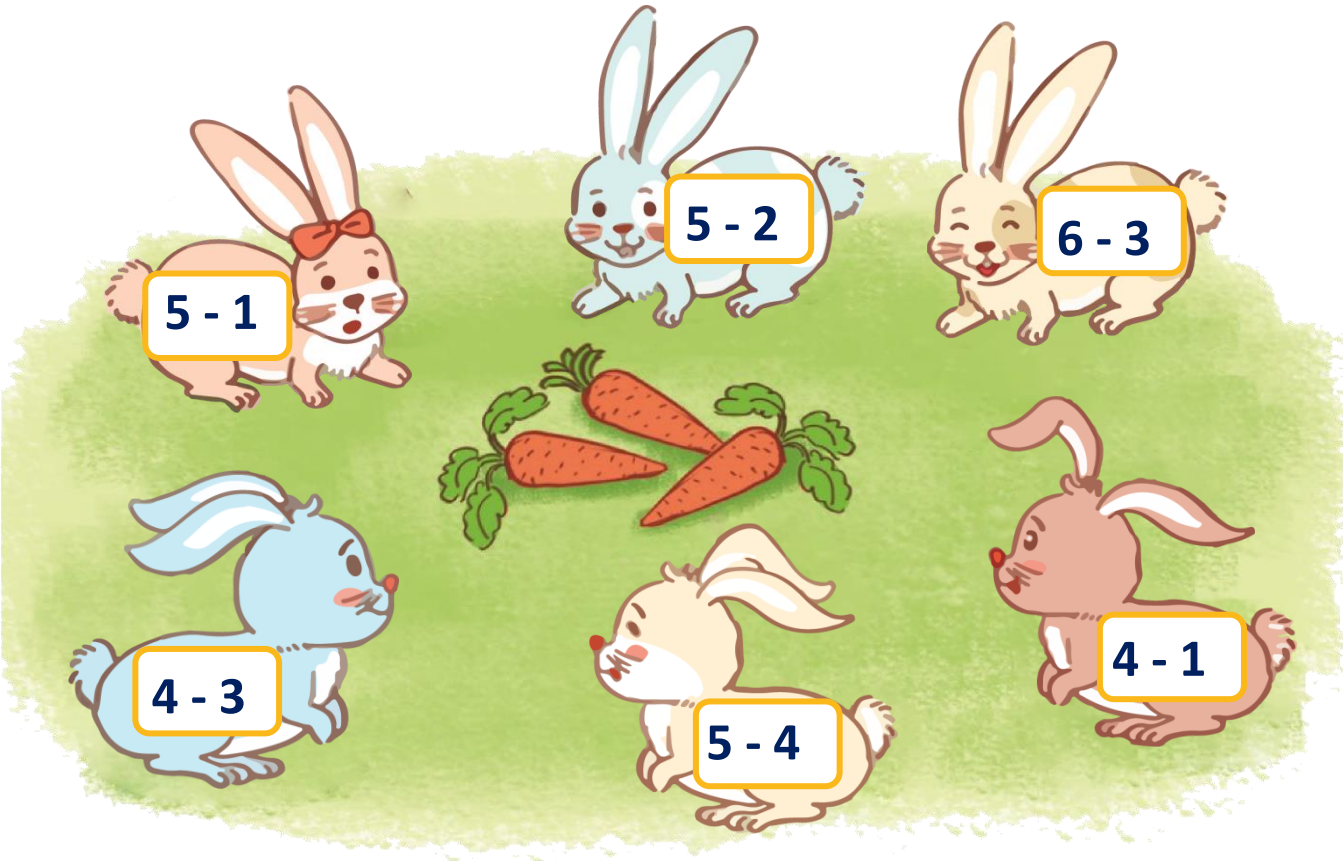

Bài 22

Luyện tập

1 Số ?

5 – 1 = ☐

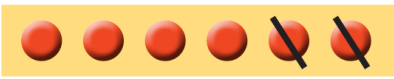

6 – 2 = ☐

4 – 4 = ☐

6 – 5 = ☐

2 Tính

4 - 2 = ...
3 - 3 = ...
6 - 1 = ...
5 - 3 = ...

5 - 2 = ...
6 - 3 = ...
6 - 2 = ...
5 - 5 = ...

6 - 6 = ...
5 - 1 = ...
4 - 4 = ...
6 - 4 = ...

3 Viết phép tính thích hợp

☐ - ☐ = ☐

Bài 22

4 Số ?

6 → 2, ☐

6 - 2 = ☐

6 - 4 = ☐

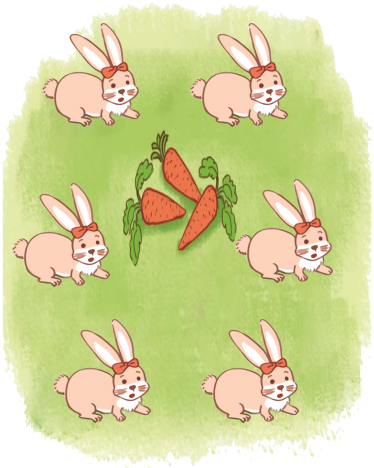

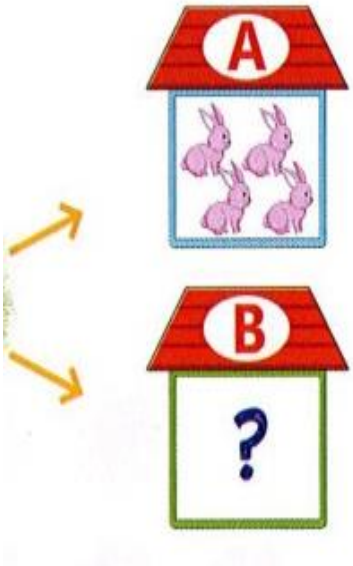

6 → 4, ☐

6 - ☐ = ☐

5 Số ?

3 → 2, ☐

3 – 2 = ...

3 – 1 = ...

4 → 3, ☐

4 – 3 = ...

4 – 1 = ...

6 → 5, ☐

6 – 5 = ...

6 – 1 = ...

5 → 4, ☐

5 – 4 = ...

5 – 1 = ...

Bài 23

Phép trừ trong phạm vi 6 (tiếp theo)

1 Viết các phép tính còn thiếu

1 – 1	2 – 1	3 – 1	4 – 1	5 – 1	6 – 1
	2 – 2	3 – 2	4 – 2		6 – 2
				5 – 3	
			4 – 4		6 – 4
				5 – 5	
					6 – 6

2 Tính

4 - 3 = ...
5 - 1 = ...
5 - 5 = ...

4 - 1 = ...
6 - 1 = ...
6 - 5 = ...

5 - 4 = ...
6 - 3 = ...
3 - 3 = ...

3 Nối

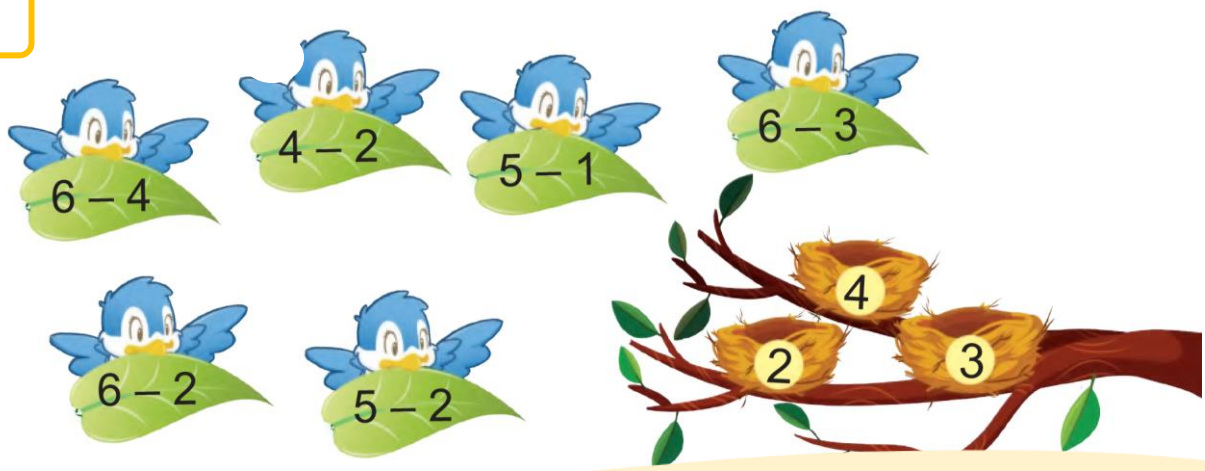

Bài 23

4 Viết phép tính thích hợp

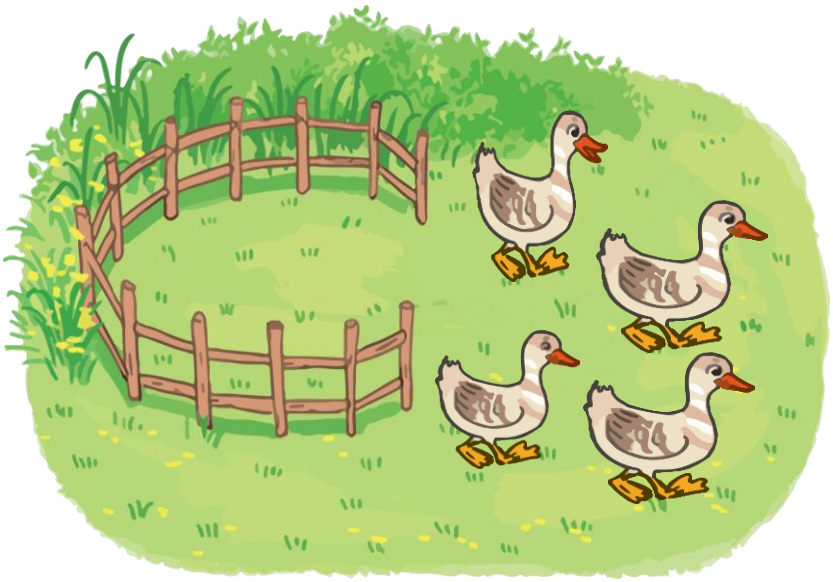

☐ - ☐ = ☐

5 Tính

4 - 0 = ...	4 - 4 = ...	3 - 3 = ...
5 - 0 = ...	6 - 6 = ...	3 - 0 = ...
6 - 0 = ...	5 - 5 = ...	2 - 2 = ...

6 Tô màu vào chú gấu ghi phép tính có kết quả bé nhất

Bài 24

Luyện tập

1 Tính

4 – ... = 4	3 - .... = 2	5 - .... = 4
5 - .... = 3	4 - .... = 0	6 - .... = 4
5 - .... = 0	6 - .... = 4	3 - .... = 3

2 Số ?

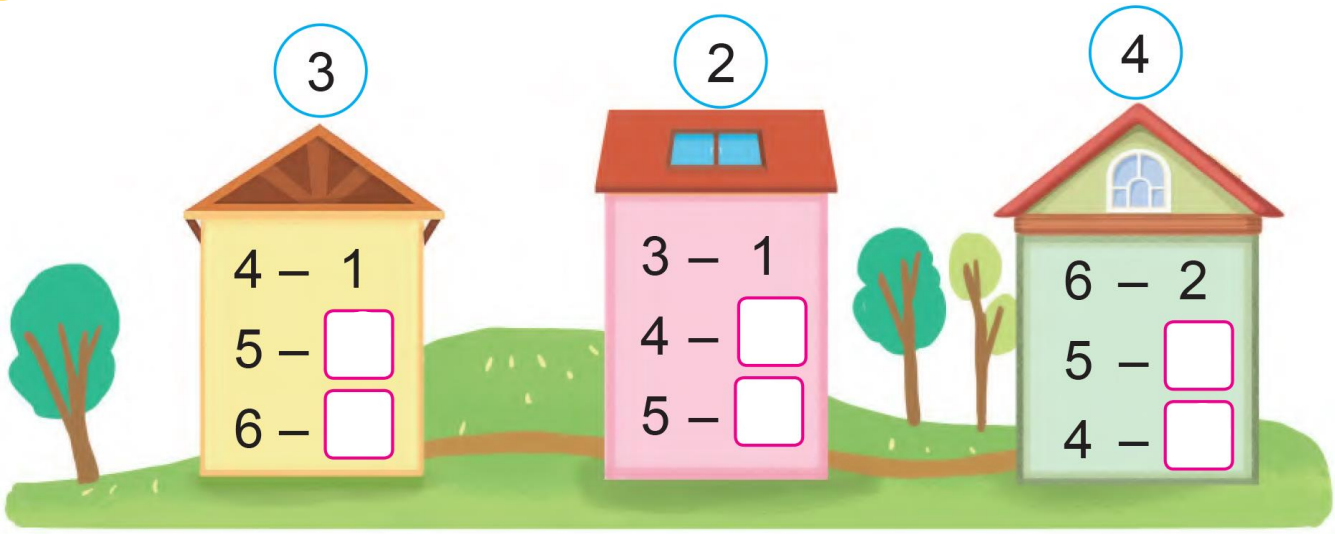

3 Viết phép tính thích hợp

☐ - ☐ = ☐

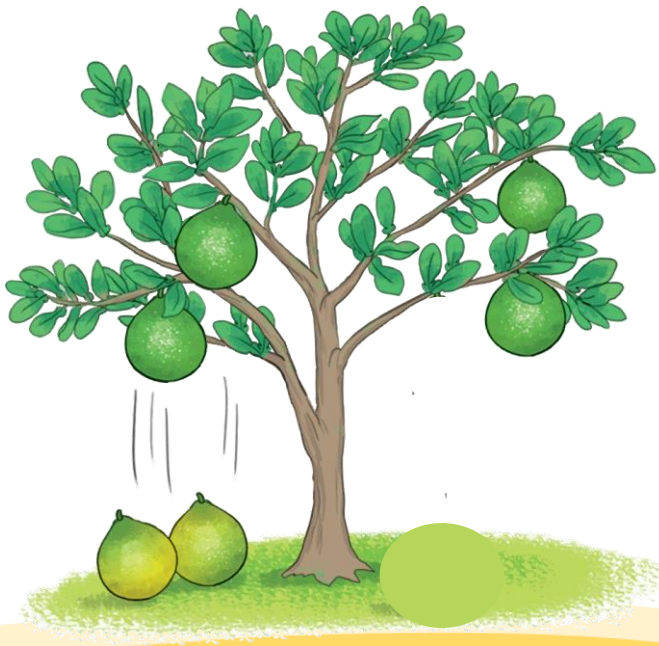

Bài 24

4 Có bao nhiêu con cá đang cắn câu ?

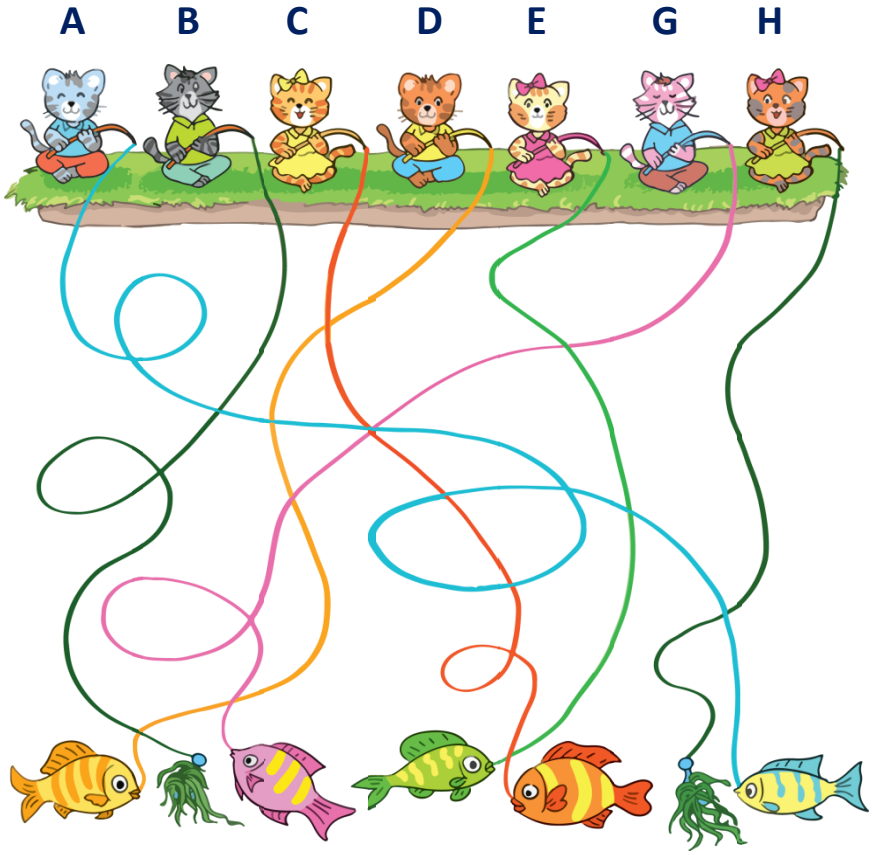

5 Tìm cánh hoa cho mỗi chú ong

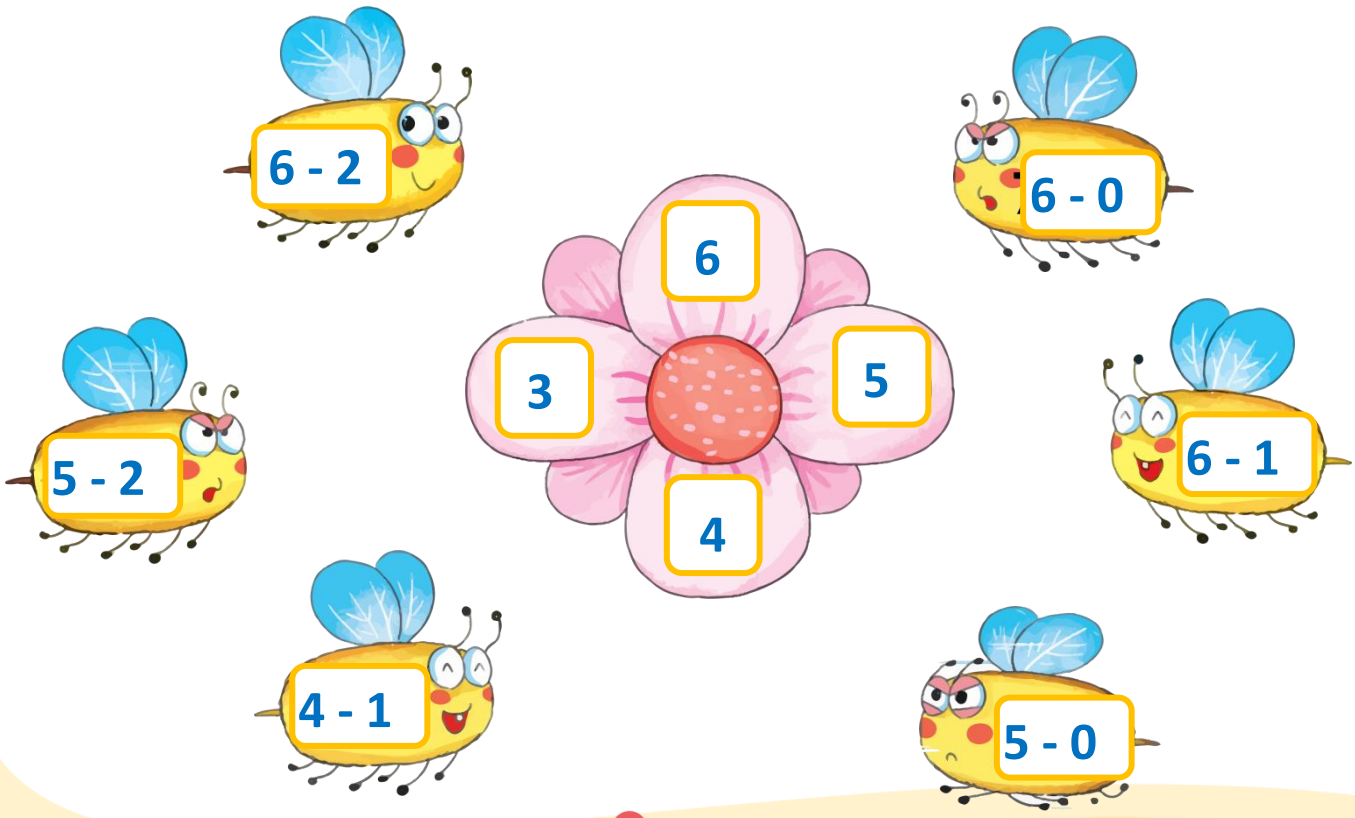

Bài 25 Phép trừ trong phạm vi 10

1 Số ?

7 – 3 = ☐

8 – 4 = ☐

10 – 5 = ☐

9 – 7 = ☐

2 Tính

9 - 5 = ...
6 - 5 = ...
10 - 8 = ...

10 - 2 = ...
6 - 3 = ...
7 - 6 = ...

8 - 7 = ...
7 - 5 = ...
9 - 6 = ...

3 Viết phép tính thích hợp

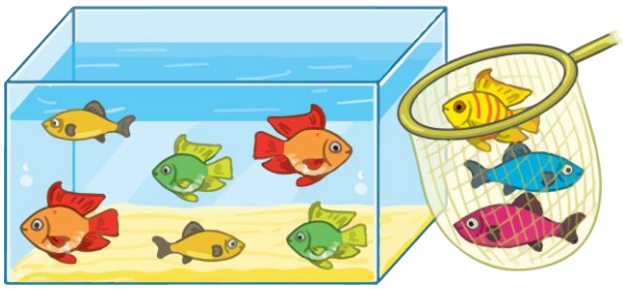

☐ - ☐ = ☐

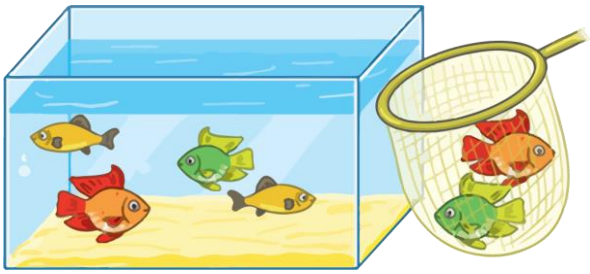

☐ - ☐ = ☐

Bài 25

4 Viết phép tính thích hợp

☐ - ☐ = ☐

5 Tô màu

4 = 7 = 6 = 8 = 5 =

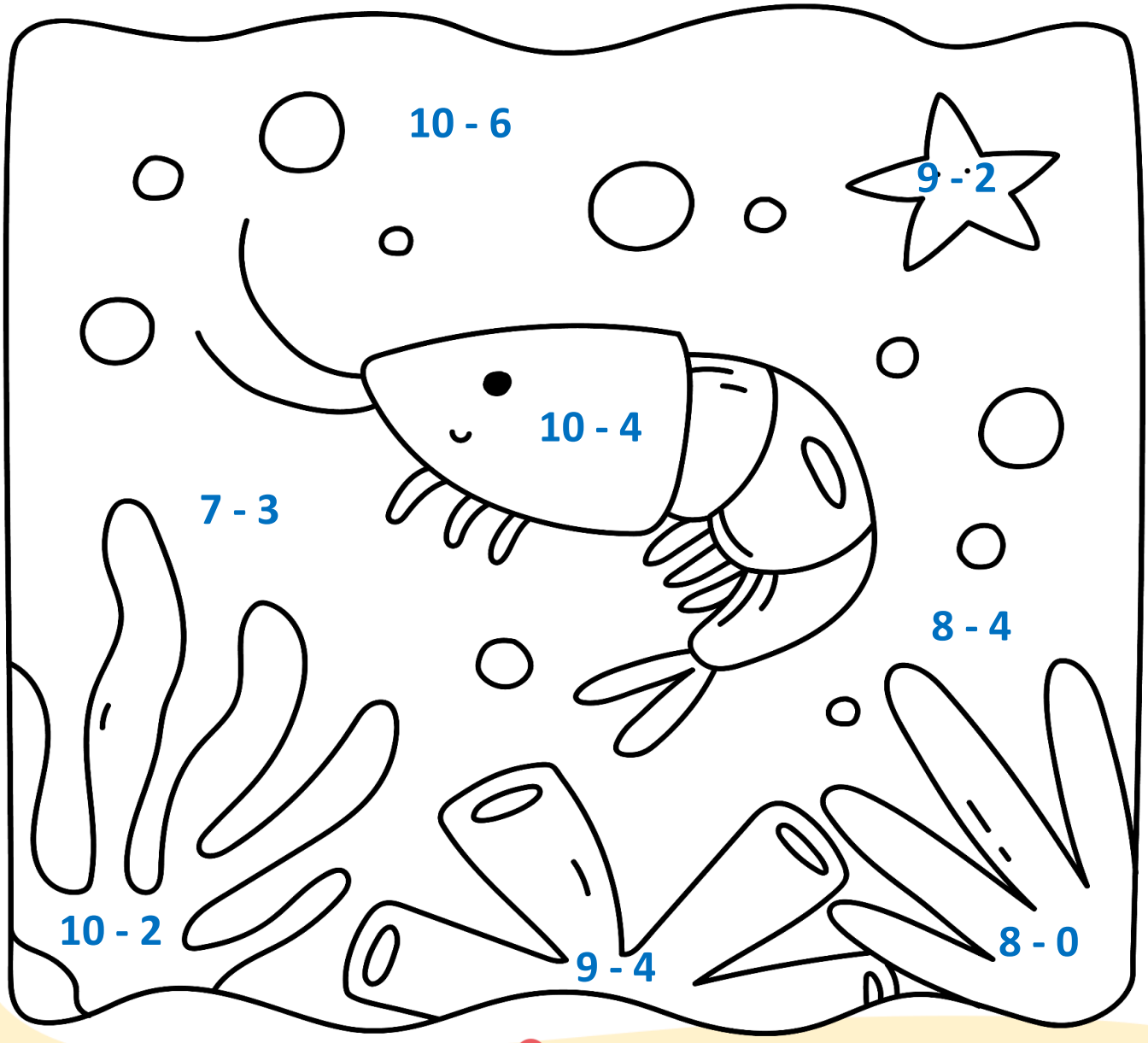

Bài 26

Luyện tập

1 Số ?

9 – 1 = ☐

8 – 3 = ☐

7 – 7 = ☐

10 – 2 = ☐

2 Tính

8 - 2 = ...	8 - 1 = ...	8 - 0 = ...
9 - 5 = ...	8 - 6 = ...	9 - 9 = ...
10 - 1 = ...	10 - 6 = ...	7 - 1 = ...

3 Khoanh vào bông hoa ghi phép tính có kết quả bằng 6

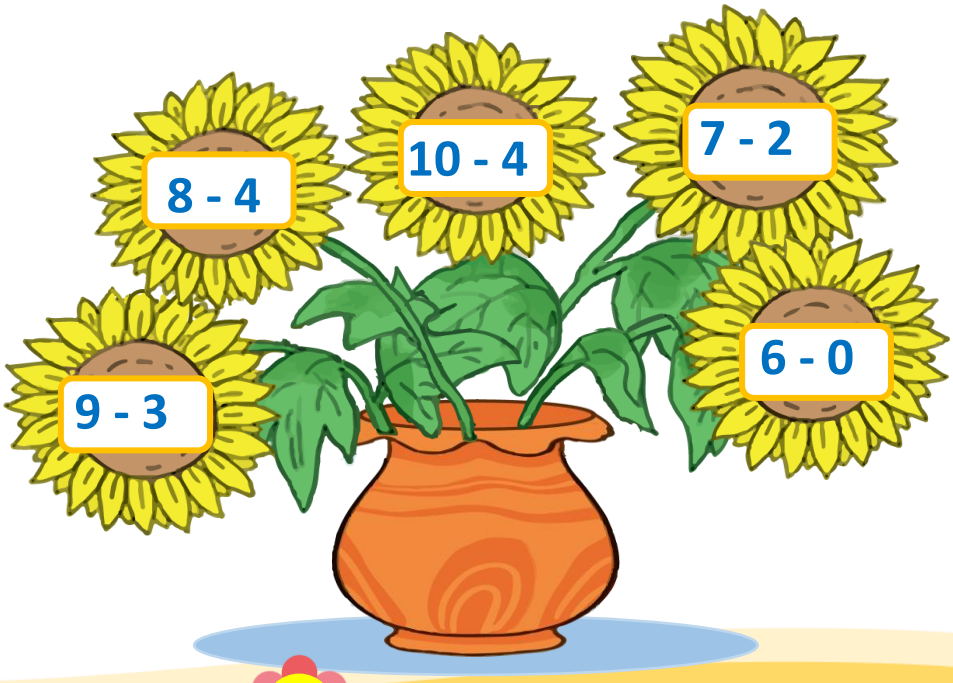

Bài 26

4 Viết phép tính thích hợp

☐ - ☐ = ☐

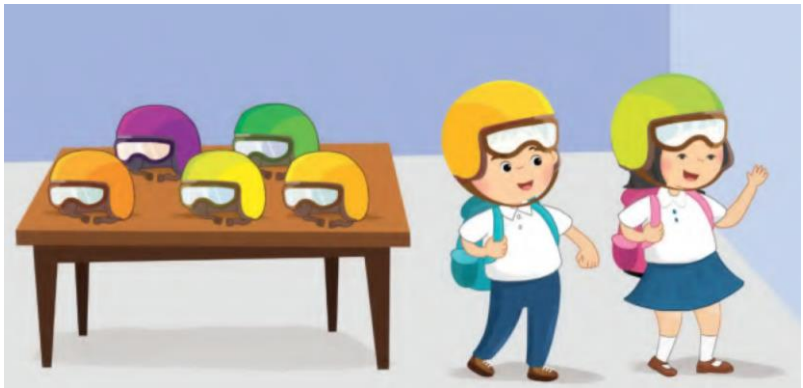

5 Tô màu

5 = 6 = 7 = 9 =

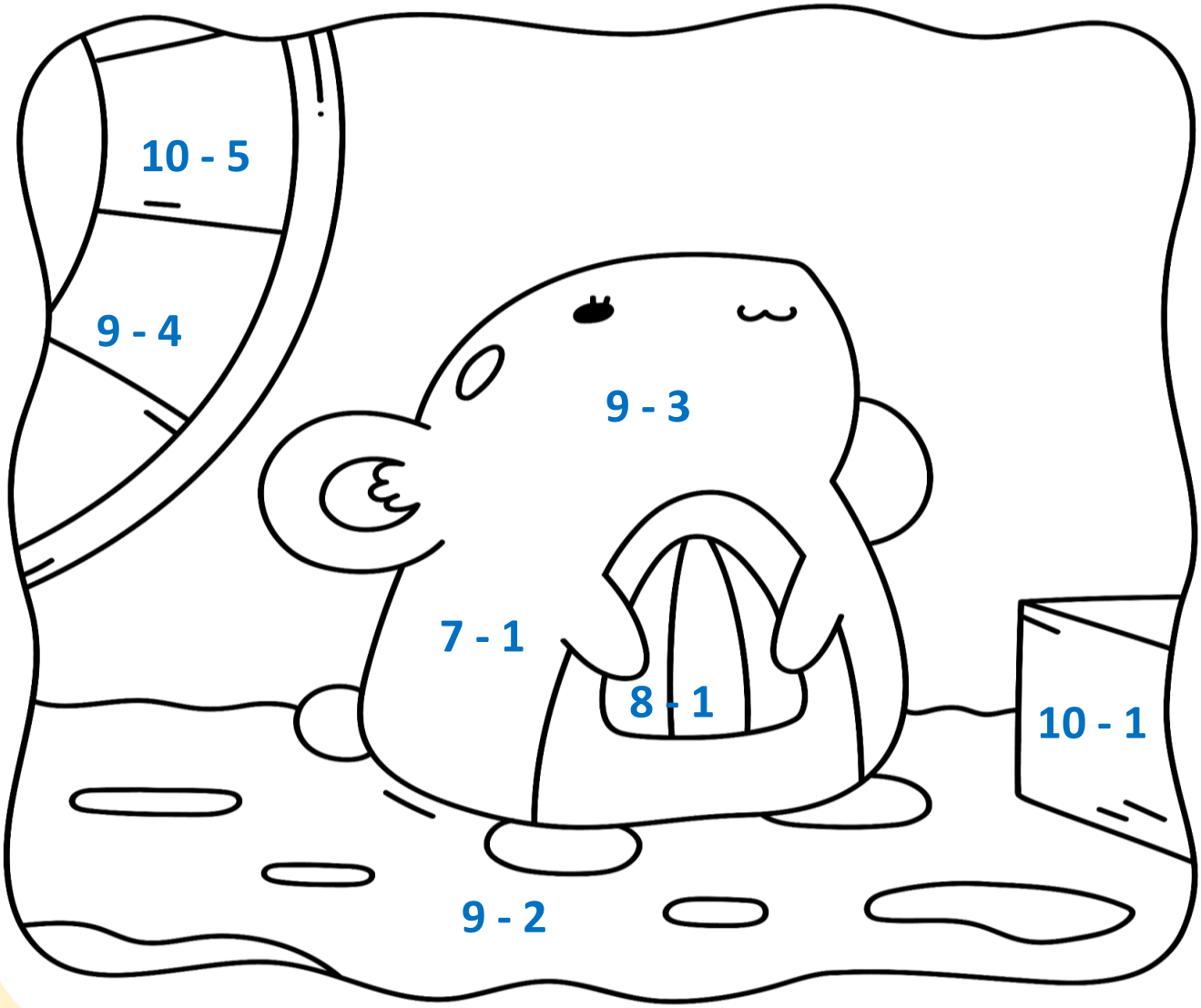

Bài 27 Phép trừ trong phạm vi 10 (tiếp theo)

1 Viết các phép tính còn thiếu

1 - 1	2 - 1	3 - 1	4 - 1	5 - 1	6 - 1	7 - 1	8 - 1	9 - 1	10 - 1
		3 - 2	4 - 2		6 - 2			9 - 2	10 - 2
		3 - 3		5 - 3		7 - 3	8 - 3	9 - 3	
			4 - 4		6 - 4	7 - 4			10 - 4
				5 - 5	6 - 5		8 - 5	9 - 5	
					6 - 6	7 - 6	8 - 6		10 - 6
						7 - 7		9 - 7	10 - 7
							8 - 8	9 - 8	10 - 8
								9 -9	

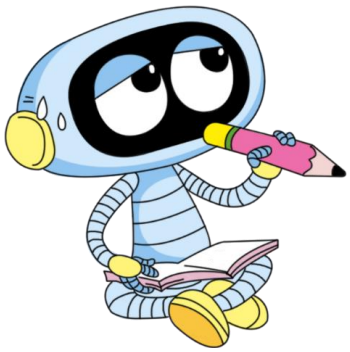

2 Tính

7 - 2 = ...
8 - 5 = ...
9 - 7 = ...
9 - 2 = ...

8 - 2 = ...
9 - 3 = ...
7 - 4 = ...
7 - 3 = ...

10 - 5 = ...
6 - 3 = ...
10 - 6 = ...
10 - 4 = ...

Bài 27

3 Nối

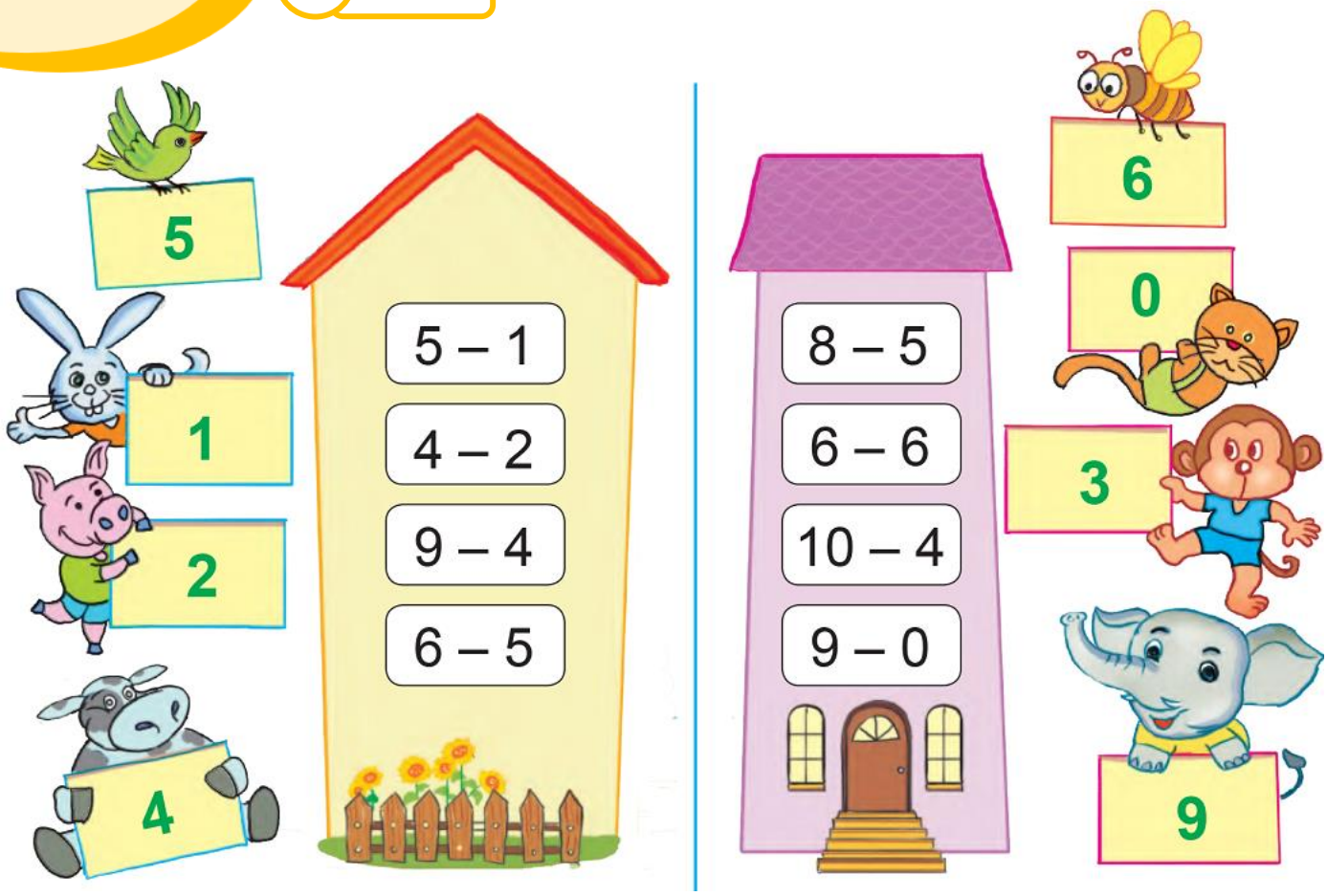

4 Nối phép tính có cùng kết quả

Bài 28

Luyện tập

1 Tính

5 + 4 = ...
4 + 5 = ...
7 - 1 = ...
7 - 6 = ...

8 + 2 = ...
2 + 8 = ...
9 - 4 = ...
9 - 5 = ...

9 + 0 = ...
0 + 9 = ...
10 - 2 = ...
10 - 8 = ...

2 Viết phép tính thích hợp (theo mẫu)

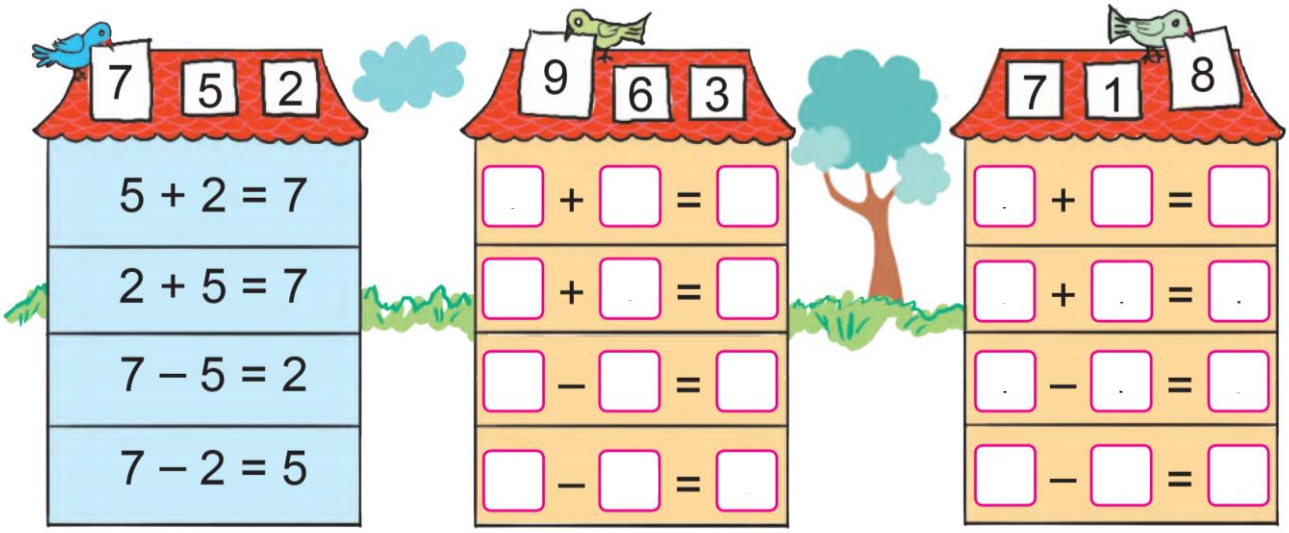

3 Viết phép tính thích hợp

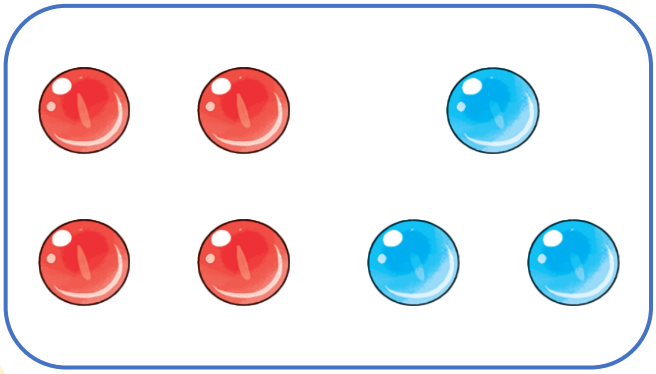

4 + 3 = ...
3 + 4 = ...
7 - 3 = ...
7 - 4 = ...

Bài 28

4 Viết phép tính thích hợp

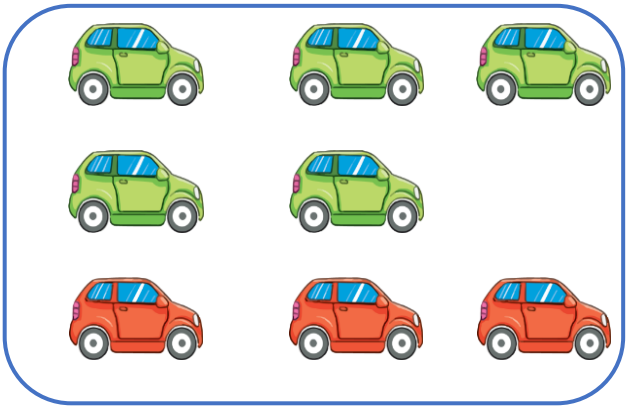

5 + 3 = ...

3 + 5 = ...

8 - 3 = ...

8 - 5 = ...

5 Số ?

5 → + 4 → ○ → – 4 → ○

8 → – 2 → □ → + 2 → □ → + 2 → □

6 Tô màu

6 = ■

7 = ■

8 = ■

9 = ■

10 = ■

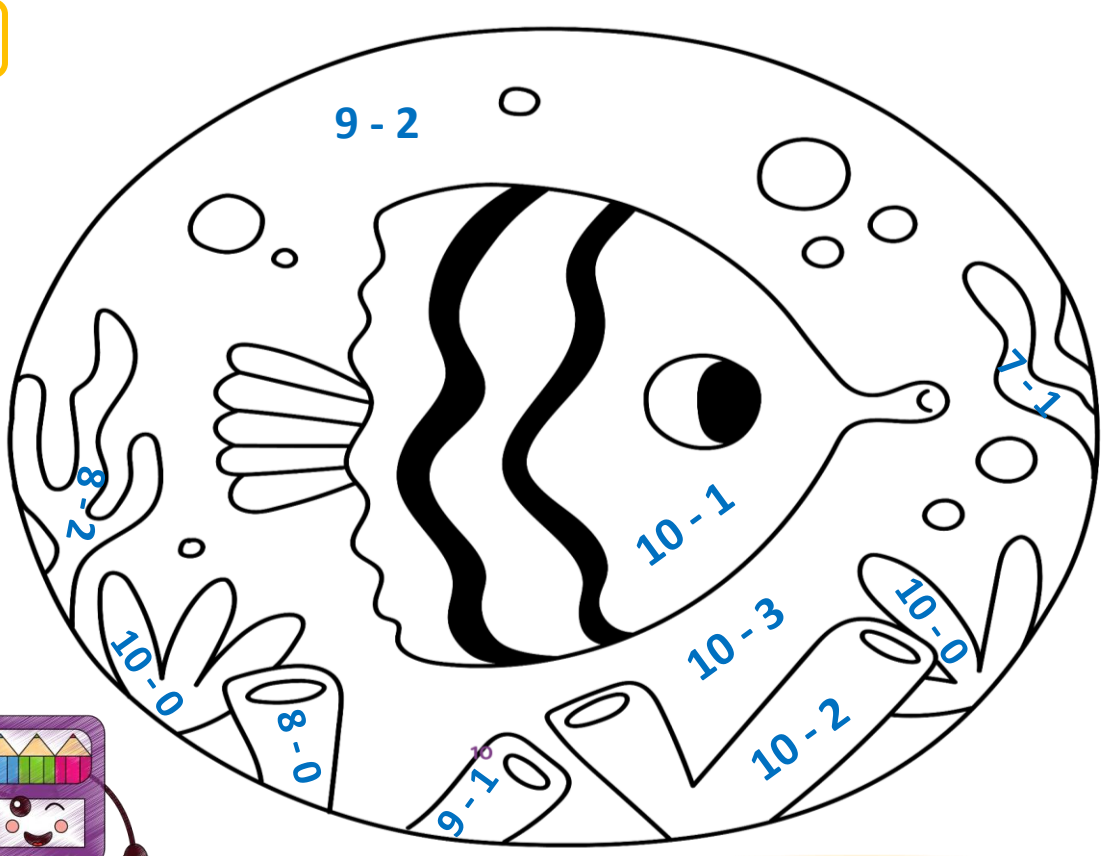

Bài 29

Luyện tập

1 Tính

5 + 1 = ...	4 + ... = 6	3 + ... = 6
6 - 1 = ...	6 - .... = 4	6 - .... = 3
3 + ... = 5	2 + ... = 6	1 + ... = 4
5 - .... = 3	6 - .... = 2	4 - .... = 1

2 Số ?

8 – ☐ = 5

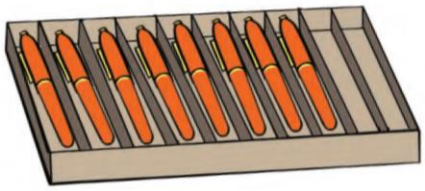

10 – ☐ = 8

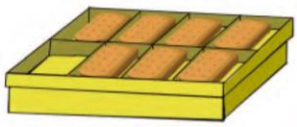

8 – ? = 7

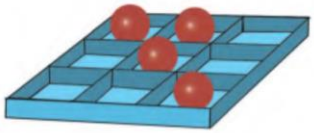

9 – ☐ = 4

3 Tìm kết quả ghi ở mỗi toa tàu

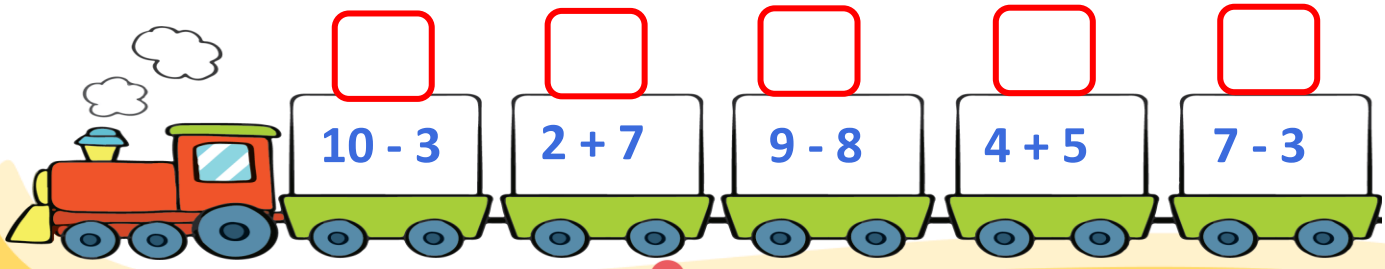

Bài 29

4 Số ?

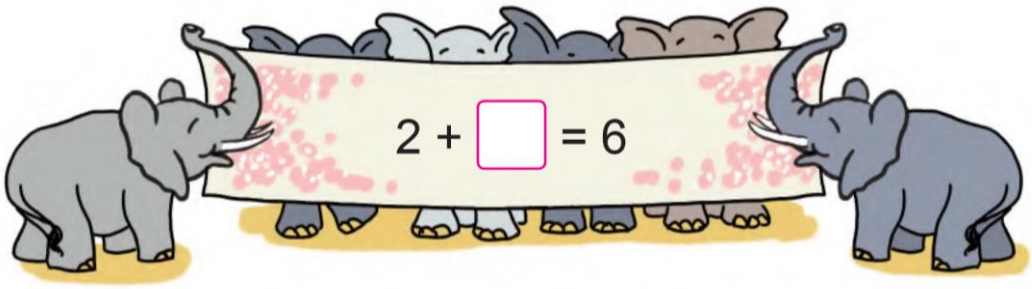

5 Tô màu

6 = ☐ 7 = ☐ 8 = ☐ 9 = ☐

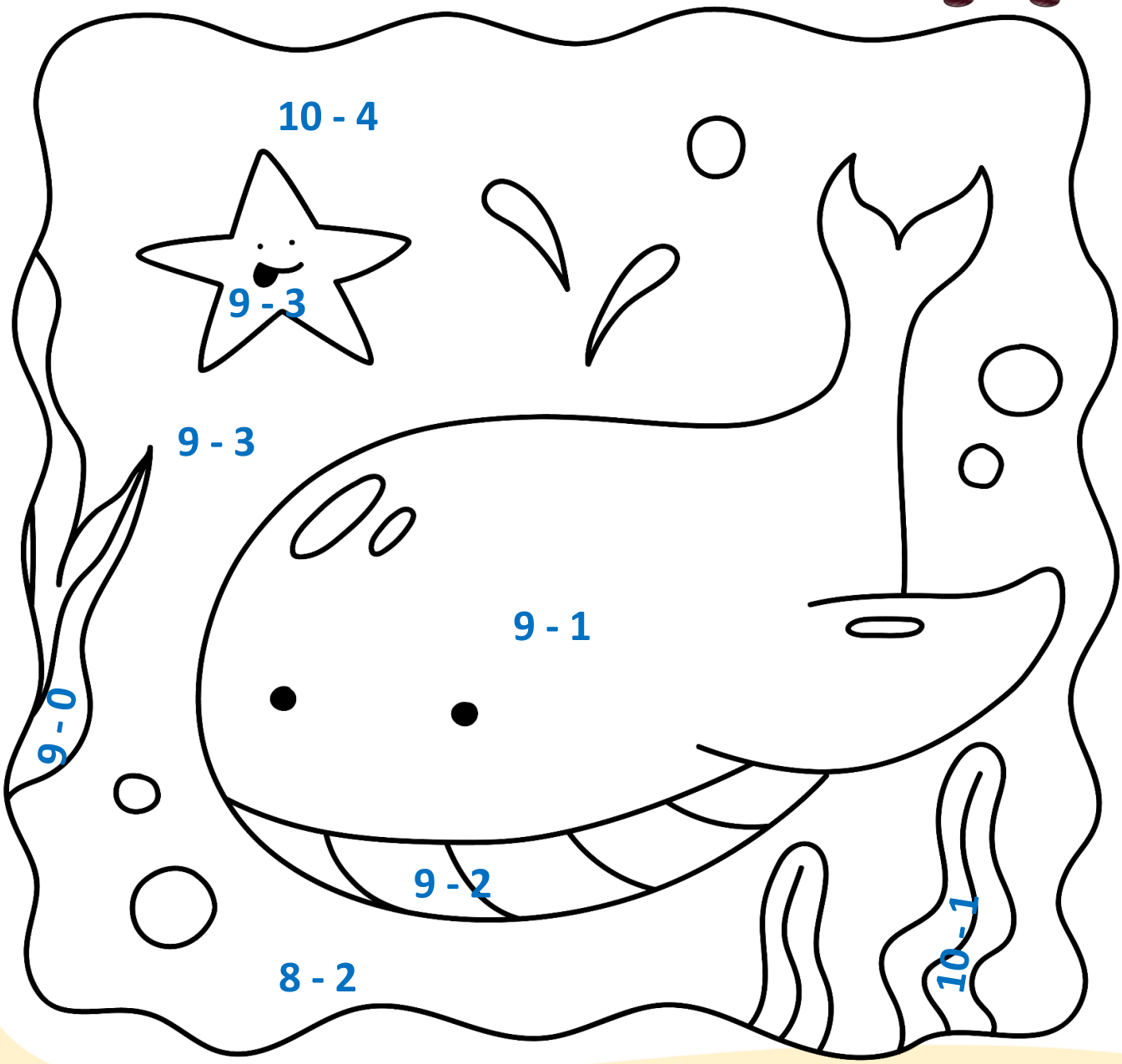

Bài 30

Luyện tập

1 Số ?

5 + 2 + 1 = ☐

↓

☐

6 - 2 - ☐ = ☐

2 Tính

3 + 1 + 2 = ...

4 + 3 + 1 = ...

5 - 1 - 2 = ...

9 - 3 - 1 = ...

Bài 30

3 Số ?

9 $\xrightarrow{-\ 4}$ ○ $\xrightarrow{-\ 2}$ □ $\xrightarrow{-\ 1}$ ○

2 $\xrightarrow{+\ 4}$ ○ $\xrightarrow{+\ 2}$ □ $\xrightarrow{+\ 1}$ ○

4 Viết phép tính thích hợp

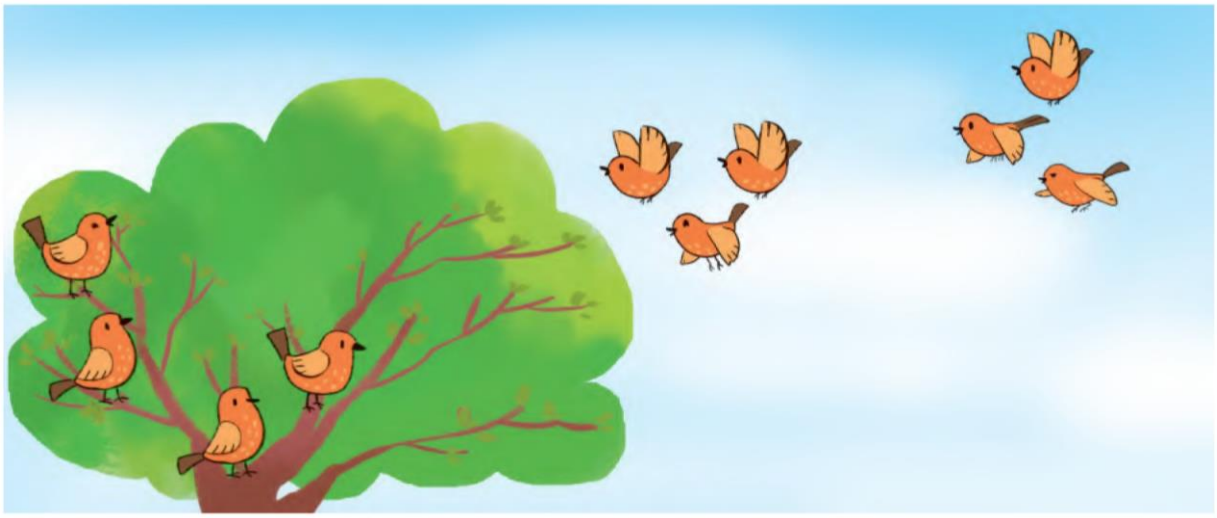

4 + □ + □ = □

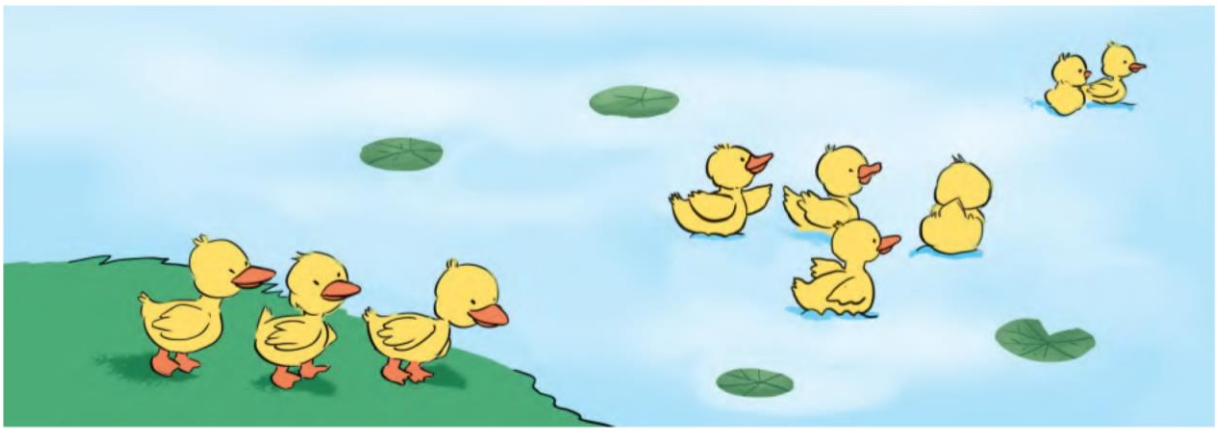

9 – □ – □ = □

Bài 31

Luyện tập chung

1 Tính

2 + 2 = ...
3 + 3 = ...
4 + 4 = ...
5 + 5 = ...

5 + 2 = ...
2 + 5 = ...
7 - 2 = ...
2 - 7 = ...

10 - 3 = ...
10 – 4 = ...
10 - 5 = ...
10 - 6 = ...

2 Số ?

6 + ... = 9
9 - .... = 6

5 - .... = 3
2 + ... = 5

7 + ... = 10
10 - .... = 3

3 <, >, = ?

7 + 2 9
3 + 2 6
8 - 2 7
9 - 1 7

2 + 4 6
4 + 4 8
4 - 4 0
5 - 0 0

7 + 0 0
2 + 6 7
10 - 0 10
7 - 7 6

Bài 32

Luyện tập chung

1 Tính

4 + 2 + 2 = ...

5 + 2 + 1 = ...

8 - 4 - 2 = ...

7 - 3 - 2 = ...

6 - 2 + 2 = ...

7 - 2 + 1 = ...

9 - 4 + 2 = ...

7 + 3 - 4 = ...

2 <, >, = ?

6 + 2 .... 9 - 2

4 + 2 .... 6 - 1

5 - 2 .... 7 - 4

9 - 1 .... 7 + 1

10 - 2 .... 8 + 1

6 - 6 .... 5 - 5

5 - 0 .... 7 - 0

9 - 9 .... 7 + 2

3 Số ?

8 → - 4 → ○ → + 2 → □ → - 1 → ○

9 → - 5 → ○ → + 2 → □ → + 1 → ○

Bài 33

Luyện tập chung

1 Tính

3 + 2 - 5 = ...

9 - 9 + 1 = ...

7 - 4 + 4 = ...

8 - 3 + 3 = ...

2 <, >, = ?

7 + 2 .... 10 - 2

6 + 2 .... 6 - 2

4 - 2 .... 7 - 5

9 - 7 .... 3 + 1

8 - 2 .... 8 + 2

6 - 0 .... 5 - 0

5 - 3 .... 7 - 4

10 - 9 .... 7 + 3
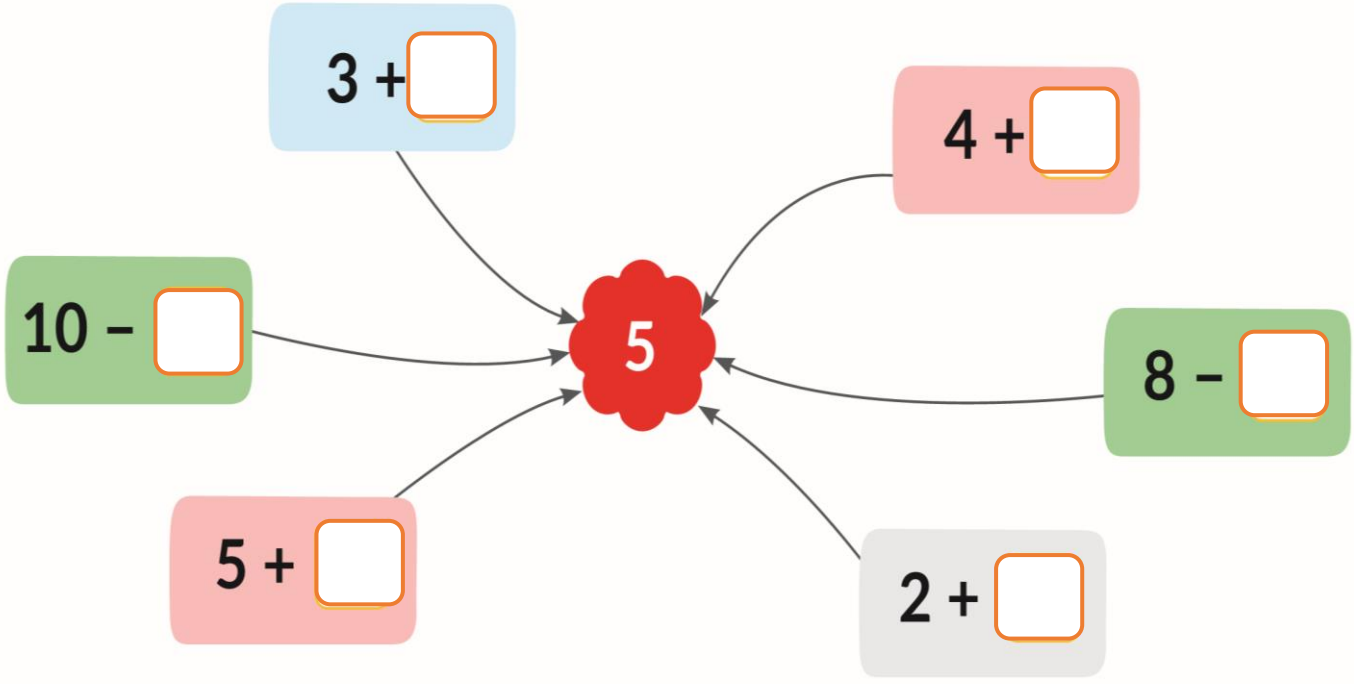
3 Số ?